



**SAIGONBANK**

**SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG NGÂN HÀNG**  
**SAIGON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**ANNUAL REPORT**

**2006**



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2006**

## **NỘI DUNG**

---

<b>Trang 3</b>	<b>Các chỉ số tài chính năm 2006</b>
<b>Trang 4</b>	<b>Diễn văn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>
<b>Trang 6</b>	<b>Báo cáo tình hình hoạt động năm 2006 Phương hướng nhiệm vụ năm 2007</b>
<b>Trang 13</b>	<b>Báo cáo kiểm toán</b>
<b>Trang 14</b>	<b>Báo cáo tài chính</b>
<b>Trang 24</b>	<b>Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành</b>
<b>Trang 26</b>	<b>Sơ đồ tổ chức</b>
<b>Trang 51</b>	<b>Ngân hàng đại lý</b>
<b>Trang 57</b>	<b>Mạng lưới chi nhánh Sài Gòn Công Thương Ngân hàng</b>

## **CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NĂM 2006**

---

<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>119,18 tỷ đồng</b>
<b>Tổng tài sản có</b>	<b>6.240,31 tỷ đồng</b>
<b>Vốn cổ phần</b>	<b>689,255 tỷ đồng</b>
<b>Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tài sản bình quân</b>	<b>2,17%</b>
<b>Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn cổ phần bình quân</b>	<b>21,18%</b>

# DIỄN VĂN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN VĂN ÚC  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

*Kính thưa Quý vị,*

*Năm 2006, tình hình kinh tế xã hội Việt Nam tiếp tục phát triển, vị thế đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế, đã góp phần rất lớn vào việc phát triển mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư trong nước và thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức và những tác động không thuận lợi như thiên tai, dịch bệnh cũng như việc đổi mới cơ chế điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước đã tác động không nhỏ đến hoạt động của các tổ chức tín dụng nói chung và Sài Gòn Công Thương Ngân hàng nói riêng.*

*Trong bối cảnh chung đó, hoạt động kinh doanh của Sài Gòn Công Thương Ngân hàng năm 2006 vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao so với mức bình quân chung của ngành, cụ thể đã thực hiện đạt và vượt 06 chỉ tiêu năm 2006 là huy động, cho vay, nợ xấu, lợi nhuận, cổ tức và thành lập chi nhánh, trong đó tổng nguồn vốn tăng 45%, vốn huy động tăng 44%, cho vay tăng 36%, lợi nhuận tăng 45% và mạng lưới hoạt động tăng 52% so với năm 2005; củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động trên các mặt: tín dụng, mạng lưới các chi nhánh, phát triển các dịch vụ Ngân hàng điện tử mới, đổi mới mô hình hoạt động nhằm tăng trưởng nhanh và quảng bá thương hiệu Saigonbank; hoạt động Ngân hàng phát triển ổn định trong tầm kiểm soát, đạt hiệu quả cao và được Ngân hàng Nhà nước xếp loại A.*

*Năm 2007, hoạt động kinh doanh của Sài Gòn Công Thương Ngân hàng sẽ gặp thêm những khó khăn thách thức trên thị trường tài chính - tiền tệ, nhất là sau khi Nhà nước nới lỏng các quy định theo cam kết gia nhập WTO đối với Ngân hàng, tổ chức tài chính nước ngoài hoạt động tại thị trường Việt Nam từ sau 01/4/2007. Lãi suất thị trường quốc tế có xu hướng biến động và gây sức ép đối với lãi suất thị trường trong nước ... sẽ là những thách thức trực tiếp đối với các ngân hàng trong nước nói chung, trong đó có Sài Gòn Công Thương Ngân hàng.*

*Các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm 2007 của Ngân hàng là khá cao, mang tính tiến công nhằm giữ vững tốc độ tăng trưởng và mở rộng hoạt động, cụ thể vốn điều lệ tăng lên 1.020 tỷ đồng (tăng 330 tỷ đồng) và phát hành 1.000 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi; tổng nguồn vốn hoạt động tăng 42%, vốn huy động tăng 40%, dư nợ cho vay tăng 36% (trong đó nợ nhóm 3-5 dưới 2% trên*

tổng dư nợ), thanh toán XNK tăng 19%; thành lập 06 chi nhánh và 07 Phòng Giao dịch và một số Chi nhánh, Phòng Giao dịch khác khi hội đủ điều kiện thành lập. Đây là một nhiệm vụ hết sức nặng nề nhằm đảm bảo Saigonbank duy trì thứ hạng và tăng tốc phát triển. Điều này đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CB-CNV phải nỗ lực phấn đấu với tinh thần tiến công, năng động sáng tạo và xử lý kịp thời những khó khăn - tồn tại với các giải pháp hữu hiệu nhất như:

1. Đẩy mạnh việc tăng năng lực tài chính để đảm bảo khả năng cạnh tranh và quy mô phát triển của Sài Gòn Công Thương Ngân hàng. Phải tăng thêm các kênh huy động vốn - mở rộng quan hệ khách hàng và tìm kiếm nguồn vốn ngoài nước ...

2. Nâng cao năng lực quản lý điều hành và xây dựng bộ máy có trình độ, năng lực, tâm huyết với sự phát triển của Sài Gòn Công Thương Ngân hàng. Thực hiện tốt quy trình đào tạo cán bộ trong và ngoài nước, đảm bảo đủ nguồn nhân lực cho nhu cầu phát triển mở rộng mạng lưới.

3. Nâng cao năng lực hoạt động của bộ máy ngân hàng nhằm thu hút khách hàng và mở rộng các hoạt động dịch vụ, hạn chế thấp nhất rủi ro.

Phát động phong trào thi đua trong CB-CNV, tổ chức các hình thức quảng bá thương hiệu – thực hiện một công trình có ý nghĩa thiết thực chào mừng lễ kỷ niệm 20 năm thành lập Ngân hàng.

Kính thưa quý vị,

Với thành quả đạt được trong năm 2006, từ thực tiễn hoạt động, với những cơ hội, thách thức và sự quyết tâm của toàn thể CB-CNV, tôi tin rằng Sài Gòn Công Thương Ngân hàng (Saigonbank) sẽ vượt qua những khó khăn thử thách và giành thắng lợi toàn diện trong năm 2007.

Thay mặt Hội đồng quản trị Sài Gòn Công Thương Ngân hàng, tôi xin gửi đến tất cả quý vị lời cảm ơn chân thành và lời chúc sức khỏe, thành đạt.

Xin cảm ơn toàn thể quý vị.

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN VĂN ÚC

# **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2006 & PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2007**

Theo Quyết nghị Đại Hội Đồng Cổ đông ngày 24/3/2006 và 15/11/2006, các chỉ tiêu kinh doanh năm 2006 như sau:

- 1. Vốn điều lệ:** tăng từ 400 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng.
- 2. Vốn huy động:** 4.846 tỷ đồng.
- 3. Dư nợ cho vay:** 4.632 tỷ đồng.
- 4. Nợ xấu** (nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5): dưới 2% trên tổng dư nợ.
- 5. Mạng lưới Chi nhánh:**
  - Điều chỉnh 10 Chi nhánh cấp 2 thành Chi nhánh và 03 Chi nhánh cấp 2 thành Phòng Giao dịch.
  - Thành lập 03 Chi nhánh tại Huế, Đồng Nai, Bình Dương.
  - Thành lập 07 Phòng Giao dịch ở An Giang, Đà Nẵng, Bạc Liêu và TP.HCM.
- 6. Lợi nhuận:** 130 tỷ đồng (đã trích dự phòng, không tính thu nhập bất thường).
- 7. Cổ tức:** tối thiểu 14%/năm.

## **I. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA SAIGONBANK NĂM 2006:**

Trên cơ sở tình hình kinh tế xã hội Việt Nam và các chỉ tiêu do Đại Hội Đồng Cổ đông giao năm 2006, chúng tôi đã thực hiện đạt các kết quả sau:

**1. Nguồn vốn hoạt động:** Năm 2006, tổng nguồn vốn là 6.240 tỷ đồng, tăng 45% so với năm 2005, trong đó :

1.1. Vốn điều lệ: 689,255 tỷ đồng, tăng 72% so với năm 2005, đạt 98% so với chỉ tiêu tăng vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng.

1.2. Vốn huy động: 5.195 tỷ đồng, tăng 44% so với năm 2005, đạt 107% so với chỉ tiêu huy động vốn năm 2006.

**2. Hoạt động tín dụng:** đến 31/12/2006, dư nợ cho vay là 4.864 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2005, đạt 105% so với chỉ tiêu cho vay năm 2006.

- Trong tổng dư nợ cho vay, nợ xấu (nợ nhóm 3-4) chiếm 0,48% trên tổng dư nợ, thấp hơn chỉ tiêu nợ xấu do ĐHĐCĐ giao (dưới 2%) và của NHNN (dưới 5%) và không có nợ có khả năng mất vốn (nợ nhóm 5).

- Bảo lãnh và các cam kết ngoại bảng: 254 tỷ đồng.

- Một số nét nổi bật về công tác tín dụng năm 2006:

\* Chất lượng hoạt động tín dụng được nâng cao : nợ quá hạn thấp, hầu hết cho vay đều có tài sản thế chấp, đúng theo quy định NHNN, chưa phát hiện nguy cơ rủi ro.

\* Tiếp tục trích lập thêm dự phòng chung (0,75%) năm 2006 là 24,77 tỷ đồng, thay vì trích dần trong 05 năm theo quy định NHNN.

## **3. Về hoạt động dịch vụ:**

3.1. *Dịch vụ thanh toán đối ngoại:* doanh số thanh toán đối ngoại là 302 triệu USD, tăng 12% so với năm 2005; trong đó dịch vụ thanh toán XNK là 289 triệu USD, tăng 12% so với năm 2005.

3.2. *Dịch vụ thanh toán trong nước*: tổng doanh số thanh toán trong nước là 411 ngàn tỷ đồng, tăng 46% so với năm 2005. Việc tham gia thanh toán điện tử liên ngân hàng đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển tiền – thanh toán nhanh trong nước cũng như tăng nhanh doanh số hoạt động.

3.3. *Kinh doanh ngoại tệ*: tổng doanh số mua bán ngoại tệ là 622 triệu USD. Việc kinh doanh ngoại tệ đã góp phần cung ứng đủ ngoại tệ cho hoạt động thanh toán đối ngoại, vừa phòng tránh rủi ro biến động tỷ giá cho các doanh nghiệp Việt Nam trong kinh doanh xuất nhập khẩu và đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong kinh doanh ngoại hối theo quy định NHNN.

3.4. *Hoạt động góp vốn, liên doanh*:

- Tính đến cuối năm 2006, Saigonbank đã góp vốn 70,5 tỷ đồng tại Ngân hàng Gia Định, Khách sạn Sài Gòn Hạ Long, Công ty Chuyển mạch Tài chính Quốc gia (Banknet), Công ty Quản lý Khai thác Tài sản.

- Năm 2006, Saigonbank thu được cổ tức là 5 tỷ đồng từ hoạt động góp vốn liên doanh; trong đó Công ty Khai thác Tài sản là 4 tỷ đồng và Khách sạn Sài Gòn Hạ Long 1 tỷ đồng.

3.5. *Hoạt động đầu tư tài chính*: đến cuối năm 2006, Saigonbank đã đầu tư mua chứng khoán (trái phiếu Nhà nước, Công ty) với tổng số tiền là 304 tỷ đồng, tăng 57% so với năm 2005 và có doanh thu là 21 tỷ đồng.

3.6. *Hoạt động đầu tư tiền gửi trong và ngoài nước*:

Đến cuối năm 2006, Saigonbank có số dư tiền gửi 551 tỷ đồng tại các ngân hàng trong và ngoài nước. Năm 2006 dịch vụ này có doanh thu là 43 tỷ đồng, góp phần tăng thêm hiệu quả cho hoạt động Ngân hàng.

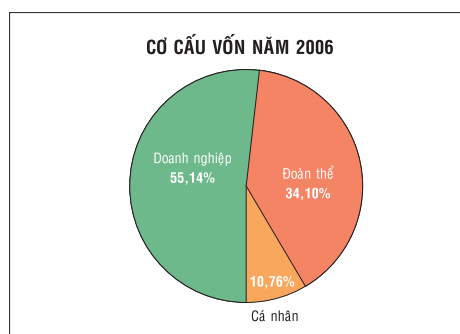
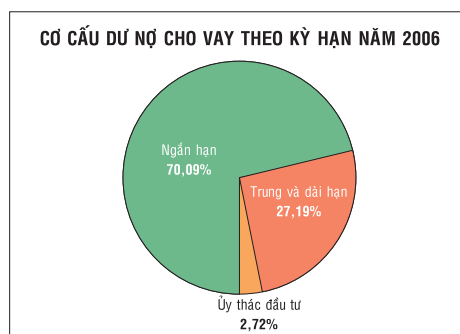
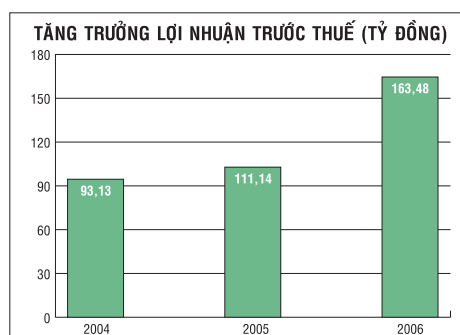
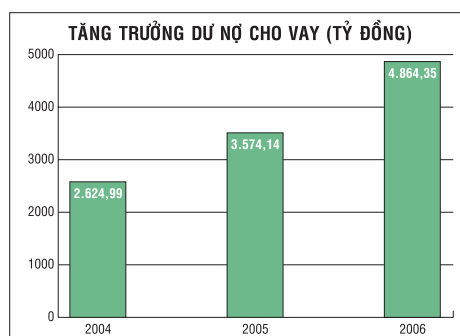
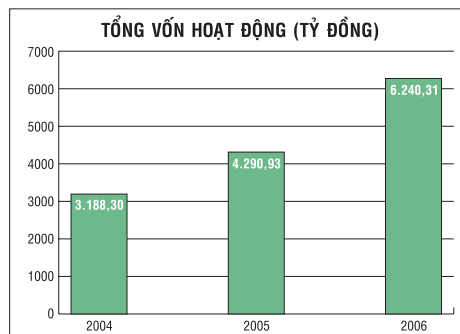
3.7. *Hoạt động Trung tâm Thẻ*:

3.7.1. *Thẻ tín dụng quốc tế*: doanh số thanh toán thẻ quốc tế năm 2006 là 3,54 triệu USD, tăng 1,04 triệu USD so với năm 2005.

3.7.2. *Thẻ đa năng Saigonbank Card*:

- Năm 2006, Saigonbank đã phát hành 33.000 thẻ và tính đến cuối năm 2006, Saigonbank đã tổng phát hành 82.000 thẻ với số dư là 42 tỷ đồng.

- Đến cuối năm 2006, Saigonbank đã đầu tư trang bị 53 máy ATM tại các Tỉnh/TP lớn trong cả nước. Ngoài ra, do Saigonbank là thành viên sáng lập hệ thống VNBC nên khách hàng có thể sử dụng thẻ Saigonbank Card giao dịch tại trên 400 máy ATM và chấp nhận thanh toán tại hơn 200 điểm mua hàng hóa trong hệ thống VNBC.





3.8. *Phát triển các dịch vụ mới:* Năm 2006, Saigonbank phát triển thêm các dịch vụ NH mới như Phone Banking, Internet Banking đồng thời kết nối mạng trực tuyến các chi nhánh theo khu vực nên đã tạo nhiều thuận lợi cho khách hàng trong giao dịch.

**4. Về hoạt động Cty Quản lý Khai thác Tài sản-KS Riverside:** Năm 2006, Công ty Quản lý Khai thác Tài sản và khách sạn Riverside có doanh thu là 10,74 tỷ đồng, chi phí 7,85 tỷ đồng, lợi nhuận 2,89 tỷ đồng.

### 5. Mạng lưới hoạt động:

- Hoàn tất việc điều chỉnh 10 chi nhánh cấp 2 thành Chi nhánh và 03 chi nhánh cấp 2 thành Phòng Giao dịch.

- Thành lập 03 chi nhánh mới tại Huế, Đồng Nai và Bình Dương.

- Thành lập 06 Phòng Giao dịch mới tại An Giang, Bạc Liêu, Đà Nẵng, Hà Nội, Quảng Ninh và TP.HCM.



Lễ khai trương chi nhánh Bình Dương

Như vậy, đến cuối năm 2006, Saigonbank đã có 36 chi nhánh và Phòng Giao dịch tại các Tỉnh /TP lớn trong cả nước.

### 6. Hoạt động các chi nhánh:

6.1. *Vốn huy động các Chi nhánh:* 3.308 tỷ đồng, tăng 47% so với năm 2005, chiếm 64% trên tổng vốn huy động toàn hệ thống.

6.2. *Dư nợ cho vay các Chi nhánh:* 3.557 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2005, chiếm 73% trên tổng dư nợ toàn hệ thống; trong đó nợ xấu (nợ nhóm 3-4) chiếm 0,31% trên tổng dư nợ toàn hệ thống và không có nợ nhóm 5.

6.3. *Kết quả kinh doanh các Chi nhánh:* năm 2006, hoạt động các Chi nhánh có lợi nhuận là 75,24 tỷ đồng, tăng 91% so với năm 2005 và chiếm 47% trên tổng lợi nhuận toàn hệ thống.

Nhìn chung, hoạt động các chi nhánh năm 2006 tương đối ổn định và các chi nhánh đã từng bước trưởng thành trong quản lý, điều hành và mở rộng hoạt động.



### 7. Công tác nhân sự, đào tạo, mô hình hoạt động:

- Năm 2006, đã tuyển dụng 247 người để bổ sung nhân sự cho nhu cầu mở rộng hoạt động và đến cuối năm 2006, tổng số nhân sự của Saigonbank là 817 người, trong đó cán bộ quản lý chiếm hơn 20%.

- Thường xuyên tiến hành công tác đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ, trang bị kiến thức cho CB-CNV trong tiến trình hội nhập và đến cuối năm 2006, nguồn nhân lực Saigonbank có gần 67% là trình độ Đại học và Cao học; 33% là trình độ trung cấp.

- Năm 2006, Saigonbank đã tổ chức, sắp xếp lại mô hình hoạt động để tạo sự thuận tiện cho khách hàng giao dịch để chuẩn bị triển khai cơ cấu tổ chức mới theo mô hình ngân hàng hiện đại.

**8. Công tác kiểm tra nội bộ:** Thường xuyên tiến hành việc kiểm tra định kỳ hoạt động các đơn vị trực thuộc để nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ và kiến nghị chấn chỉnh hoạt động tại các đơn vị nhằm bảo đảm hoạt động ngân hàng tăng trưởng và phát triển.

### **9. Công tác quản trị - điều hành:**

- Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định của Ngành Ngân hàng, HĐQT thường xuyên họp định kỳ theo đúng quy định để nắm tình hình hoạt động, đề ra những chủ trương, biện pháp nhằm thực hiện các nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.

- Thường trực HĐQT thường xuyên làm việc với Ban điều hành để kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra.

- Thường trực HĐQT thường xuyên đến các Chi nhánh và khách hàng để thăm hỏi, nắm tình hình, tháo gỡ các vướng mắc của khách hàng, đồng thời hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong việc mở rộng mạng lưới các Chi nhánh.

- Các biên bản Họp HĐQT đều có chữ ký đầy đủ, Quỹ HĐQT và các Quỹ khác đều được sử dụng đúng quy định. Làm tốt việc tăng vốn điều lệ, quản lý chặt chẽ việc phát hành, chuyển nhượng cổ phiếu...

### **10. Công tác đoàn thể-xã hội từ thiện:**

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn các tổ chức đoàn thể nội bộ như Chi bộ, Đoàn Thanh niên, Công đoàn nên Chi bộ Saigonbank được công nhận là Chi bộ trong sạch vững mạnh, Đoàn Thanh niên được khen tặng là cơ sở Đoàn xuất sắc và Công đoàn đạt danh hiệu là Công đoàn vững mạnh xuất sắc.



Saigonbank nhận giải thưởng "Sao vàng đất Việt 2006"

- Năm 2006, Saigonbank đã thực hiện công tác xã hội từ thiện với tổng kinh phí là 0,29 tỷ đồng từ nguồn trích từ 01 ngày lương/quý của CBCNV và quỹ phúc lợi. Với những thành tích đóng góp về công tác xã hội-từ thiện trong những năm qua, Saigonbank đã được Tổng liên Đoàn lao Động VN phối hợp Hiệp hội DN vừa và nhỏ VN trao tặng Cúp vàng “ Vì sự phát triển cộng đồng “ năm 2006.



### 11. Kết quả kinh doanh:

Năm 2006, hoạt động Ngân hàng có lợi nhuận trước thuế là 163,48 tỷ đồng, tăng 47% so với năm 2005, đạt 126% chỉ tiêu lợi nhuận ĐHDCĐ giao (163,48 tỷ đồng/130 tỷ đồng).

### 12. Công tác quảng bá thương hiệu:

Năm 2006, việc quảng cáo hoạt động được chú trọng và đạt kết quả sau:

- Giấy chứng nhận “Thương hiệu Saigonbank là thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam do người tiêu dùng bình chọn năm 2006”.
- Giải thưởng “Sao vàng đất Việt năm 2006”.
- Cúp vàng “ Vì sự phát triển cộng đồng “ năm 2006.
- Giấy chứng nhận “ Nhãn hiệu cạnh tranh quốc gia” cho Saigonbank.

### 13. Cổ tức năm 2006: dự kiến chia cổ tức là 15%/năm.

Tóm lại, với sự nỗ lực vượt bậc, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, tập thể HĐQT, Ban TGD và CBCNV Saigonbank đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu ĐHDCĐ giao năm 2006 như sau:



1. Tăng trưởng các hoạt động với tốc độ từ 36% đến 45%/năm, trong đó tổng nguồn vốn tăng 45%, vốn huy động tăng 44%, cho vay tăng 36%, lợi nhuận tăng 45% và mạng lưới hoạt động tăng 52% so với năm 2005.
2. Thực hiện đạt và vượt 06 chỉ tiêu do ĐHDCĐ giao năm 2006 là huy động, cho vay, nợ xấu, lợi nhuận, cổ tức và thành lập chi nhánh.
3. củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động trên các mặt: tín dụng, mạng lưới các chi nhánh, phát triển các dịch vụ Ngân hàng điện tử mới, đổi mới mô hình hoạt động và quảng bá thương hiệu Saigonbank trên thị trường.
4. Hoạt động Ngân hàng tăng trưởng nhanh, phát triển ổn định trong tầm kiểm soát và đạt hiệu quả cao.

5. Được Ngân hàng Nhà nước xếp loại A.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đạt được, hoạt động Ngân hàng vẫn còn một số tồn tại sau:

1. Chưa triển khai kịp việc niêm yết cổ phiếu và tăng vốn điều lệ theo quyết nghị ĐHĐCĐ.
2. Nguồn thu hoạt động dịch vụ còn chiếm tỷ lệ nhất định (16%) trên tổng thu nhập Ngân hàng.
3. Dự án đầu tư đổi mới Công Nghệ Ngân hàng (Dự án CoreBanking) chưa triển khai kịp trong năm 2006.

## **II. MỤC TIÊU PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2007:**

1. Triển khai xong Dự án CoreBanking trong năm 2007.
2. Tăng dần vốn điều lệ theo lộ trình quy định của Chính Phủ.
3. Nâng cao chất lượng hoạt động, tăng thanh khoản và đầu tư tài chính.
4. củng cố, xây dựng và phát triển mạng lưới trong tầm kiểm soát và đảm bảo hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống có hiệu quả.
5. Tiếp tục bổ sung, đào tạo nguồn nhân lực trên các mặt nghiệp vụ, công nghệ mới, quản lý, trẻ hoá đội ngũ cán bộ ...
6. Niêm yết cổ phiếu Saigonbank trên thị trường Chứng khoán.
7. Nghiên cứu và thành lập Công Ty chứng khoán SGCTNH.
8. Tiếp tục xây dựng và quảng bá thương hiệu Saigonbank.

## **III. CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2007:**

1. **Vốn điều lệ:** tăng vốn điều lệ lên 1.020 tỷ đồng (tăng 330 tỷ đồng cổ phiếu).
2. **Phát hành:** phát hành 1.000 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi.
3. **Tổng nguồn vốn hoạt động:** 8.835 tỷ đồng, tăng 42% so với năm 2006.
4. **Tổng vốn huy động:** 7.273 tỷ đồng, tăng 40% so với năm 2006.
5. **Tổng dư nợ cho vay:** 6.615 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2006, trong đó nợ nhóm 3-5 dưới 2% trên tổng dư nợ.
6. **Thanh toán xuất nhập khẩu:** 340 triệu USD, tăng 19% so với năm 2006.
7. **Mạng lưới hoạt động:** thành lập 06 Chi nhánh ở Cà Mau, Tiền Giang, Đắc Lắc, Bình Thuận, Lào Cai, Hải Phòng, TPHCM, Hà Nội và 07 Phòng Giao Dịch ở Hà Nội, Huế, TP HCM, Cần Thơ, Quảng Ninh. Ngoài ra, sẽ thành lập thêm một số Chi nhánh, Phòng giao dịch khi hội đủ điều kiện thành lập.
8. **Lợi nhuận trước thuế:** đạt 230 tỷ đồng (bao gồm lợi nhuận khách sạn Riverside, có thu nhập bất thường 17 tỷ đồng và đã trích dự phòng rủi ro), tăng 41% so với lợi nhuận năm 2006 (230 tỷ đồng/163 tỷ đồng).
9. Phấn đấu cổ tức đạt mức tối thiểu bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng.

## **IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2007:**

### **1. Các giải pháp nghiệp vụ:**

- Phát hành tăng vốn cổ phần, trái phiếu chuyển đổi theo các phương án đã đệ trình nhằm chuẩn bị tăng vốn theo lộ trình quy định của Chính Phủ.

- Hoàn thành các thủ tục xin niêm yết cổ phiếu Saigonbank.
- củng cố hoạt động các Chi nhánh, Phòng Giao dịch và thành lập mới các Chi nhánh, Phòng Giao dịch theo chỉ tiêu đề ra để mở rộng mạng lưới hoạt động và tăng trưởng nghiệp vụ.
- Phát hành kỳ phiếu, trái phiếu trong năm 2007.
- Nghiên cứu, phát triển dịch vụ đầu tư tài chính, chuyển đổi danh mục vốn đầu tư, tăng khả năng dự trữ thanh khoản nhằm tăng hiệu quả hoạt động và nguồn thu dịch vụ.
- Nghiên cứu và thành lập Công ty Chứng khoán SGCTNH, kinh doanh bảo hiểm và triển khai nghiệp vụ Quyền chọn sau khi xin phép NHNN.
- Nghiên cứu tìm giải pháp phù hợp để phát triển các sản phẩm dịch vụ truyền thống và hiện đại.

## **2. Các giải pháp hỗ trợ:**

### **2.1. Nguồn nhân lực:**

- Phối hợp với Công ty tư vấn phát triển nguồn nhân lực xây dựng đề án cải cách chính sách lương, thưởng, đãi ngộ để duy trì, thu hút, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu phát triển, mở rộng hoạt động trong thời gian tới.
- Tiếp tục công tác rà soát, quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý kế thừa và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thích hợp để xây dựng, phát triển nguồn nhân lực.
- Xây dựng kế hoạch và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực bằng các khoá học trong và ngoài nước để trang bị thêm kiến thức về quản lý nghiệp vụ của Ngân hàng hiện đại.

### **2.2. Quảng bá thương hiệu:**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu Saigonbank nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập, các chương trình truyền thông giới thiệu hoạt động Ngân hàng qua dịp khai trương Chi nhánh,...

### **2.3. Triển khai Dự án CoreBanking:**

Phấn đấu triển khai thành công Dự án CoreBanking trong năm 2007 để lập thành tích chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập SGCTNH.

2.4. Các quy chế hoạt động: tiếp tục rà soát, bổ sung lại các quy chế hoạt động theo quy định mới của NHNN và các cơ quan ban ngành sau khi Việt Nam chính thức gia nhập vào WTO.



# CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

## Auditing & Informatics Services Company

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 9305163 (10 lines) Fax: (84-8) 9304281  
Email: aisc@hcm.vnn.vn

Số: 1106610/AISC-DN

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2006 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG

**Kính gửi: QUÍ VỊ CỔ ĐÔNG,  
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

1. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối Tài khoản năm 2006, Bảng Cân đối Kế toán ngày 31/12/2006, Báo cáo Kết quả Kinh doanh năm 2006, Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ năm 2006 và Thuyết minh các Báo cáo Tài chính năm 2006 của Quý Ngân hàng được trình bày từ trang 03 đến trang 26\*.

Việc lập, soạn thảo và trình bày các Báo cáo Tài chính này thuộc về trách nhiệm của Quý Ngân hàng. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo này.

#### 2. Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những Quy định của Nhà nước Việt Nam về Chế độ Kế toán và Kiểm toán, phù hợp với các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Tiêu chuẩn Kiểm toán Quốc tế cùng với những thông lệ kiểm toán được Nhà nước Việt Nam chấp nhận.

Trên căn bản áp dụng những thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu và các công bố trên các báo cáo tài chính nói trên. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về sự tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương đăng ký sử dụng, về các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, về việc soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính. Đồng thời, cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám Đốc của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết nhằm cung cấp cho chúng tôi đầy đủ chứng cứ để đảm bảo rằng các báo cáo tài chính nêu trên tránh được các sai sót trọng yếu. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### 3. Ý kiến của Kiểm Toán Viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính nói trên đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2006, kết quả kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ của niên độ 2006 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương.

Các báo cáo tài chính này đã được soạn thảo và trình bày phù hợp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống Kế toán Việt Nam ngành Ngân hàng ban hành theo Quyết định 479/2004/QĐ – NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kiểm toán viên

**Võ Hồng Quân**

Chứng chỉ kiểm toán viên  
Số: Đ 0204/KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 1 năm 2007

Giám Đốc AISC



**Nguyễn Hữu Trí**

Chứng chỉ kiểm toán viên  
Số: 0476/KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

(\* Từ trang 14 đến trang 23 của báo cáo thường niên này)

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: Triệu VND

TÀI SẢN	2005	2006
<b>I. TIỀN MẶT TẠI QUỸ</b>	<b>44.145</b>	<b>61.500</b>
<b>II. TIỀN GỬI TẠI NHNN</b>	<b>115.140</b>	<b>173.341</b>
<b>III. TIỀN GỬI TẠI CÁC TCTD TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI</b>	<b>164.096</b>	<b>551.060</b>
<b>IV. CHO VAY CÁC TCTD KHÁC</b>		
- Cho vay các TCTD khác	19.364	12.172
- Dự phòng phải thu khó đòi	(145)	(91)
<b>V. CHO VAY CÁC TCKT, CÁ NHÂN TRONG NƯỚC</b>		
- Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước	3.554.779	4.852.177
- Dự phòng phải thu khó đòi	(27.671)	(41.121)
<b>VI. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ</b>		
1. Đầu tư vào chứng khoán		
- Đầu tư vào chứng khoán	193.200	304.284
- Dự phòng giảm giá chứng khoán	-	-
2. Góp vốn liên doanh, mua cổ phần	57.500	70.500
<b>VII. TÀI SẢN</b>		
1. Tài sản cố định		
- Nguyên giá TSCĐ	181.431	205.165
- Hao mòn TSCĐ	(41.220)	(54.313)
2. Tài sản khác	336	358
<b>VIII. TÀI SẢN CÓ KHÁC</b>		
1. Các khoản phải thu	20.965	77.906
2. Các khoản lãi cộng dồn dự thu	10.223	28.419
3. Tài sản có khác	529	861
4. Các khoản dự phòng rủi ro khác	(1.743)	(1.910)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>4.290.929</b>	<b>6.240.308</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tt.)

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: Triệu VND

NGUỒN VỐN	2005	2006
<b>I. TIỀN GỬI CỦA KBNN VÀ CÁC TCTD KHÁC</b>		
1. Tiền gửi của KBNN	-	-
2. Tiền gửi của TCTD khác	537.196	856.850
<b>II. VAY NHNN, TCTD KHÁC</b>		
1. Vay NHNN	58.000	44.396
2. Vay TCTD trong nước	50.000	-
3. Vay TCTD ở nước ngoài	-	-
4. Nhận vốn cho vay đồng tài trợ	-	-
<b>III. TIỀN GỬI CỦA TCKT, DÂN CƯ</b>	<b>2.830.064</b>	<b>3.947.700</b>
<b>IV. VỐN TÀI TRỢ ỦY THÁC ĐẦU TƯ</b>	<b>143.378</b>	<b>136.889</b>
<b>V. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ</b>	<b>-</b>	<b>208.954</b>
<b>VI. TÀI SẢN NỢ KHÁC</b>		
1. Các khoản phải trả	17.507	41.278
2. Các khoản lãi cộng dồn dự trả	39.752	66.895
3. Tài sản nợ khác	5.598	5.784
<b>VII. VỐN VÀ CÁC QUỸ</b>		
1. Vốn các TCTD		
- Vốn điều lệ	400.000	689.255
- Vốn đầu tư XD CB	-	-
- Vốn khác	-	-
2. Quỹ TCTD	98.294	123.129
3. Lãi/Lỗ kỳ trước	111.140	-
4. Lãi/Lỗ kỳ này	-	119.178
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>4.290.929</b>	<b>6.240.308</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tt.)

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

### CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	2005	2006
1. Tiền không có giá trị lưu hành	9	11
2. Chứng từ có giá trị bằng ngoại tệ	91.298	114.499
3. Cam kết bảo lãnh cho khách hàng	142.279	254.398
4. Cam kết bán ngoại tệ có kỳ hạn	-	-
5. Các bảo lãnh khác nhận được	932	1.342
6. Lãi cho vay chưa thu được bằng đồng Việt Nam	29.809	32.962
7. Lãi cho vay chưa thu được bằng đồng ngoại tệ	1.853	1.879
8. Các giấy tờ có giá của TCTD	-	-
9. Nợ bị tổn thất trong thời gian theo dõi	89.449	95.285
10. Tài sản khác giữ hộ	-	-
11. Tài sản thế chấp, cầm cố của khách hàng	6.445.471	8.917.677
12. Tài sản gán xiết nợ chờ xử lý	63.781	63.445
13. Các giấy tờ có giá của khách hàng đưa cầm	13.419	27.711
14. Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	199.206	237.403
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.077.506</b>	<b>9.746.612</b>

# BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

## PHẦN I - LÃI, LỖ

Đơn vị tính: Triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU	2005	2006
<b>I. THU TỪ LÃI</b>		
1. Thu lãi cho vay (đã trừ lãi điều hòa vốn)	335.331	494.346
2. Thu lãi tiền gửi	10.309	43.078
3. Thu lãi góp vốn, mua cổ phần	1.193	5.080
4. Thu từ nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
5. Thu khác về hoạt động tín dụng	10.932	21.293
<b>Tổng thu tiền lãi và các khoản thu nhập có tính chất lãi</b>	<b>357.765</b>	<b>563.797</b>
<b>II. CHI TRẢ LÃI</b>		
1. Chi trả lãi tiền gửi	171.571	294.262
2. Chi trả lãi tiền đi vay (đã trừ lãi điều hòa vốn)	15.283	14.669
3. Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	-	6.274
<b>Tổng chi trả lãi</b>	<b>186.854</b>	<b>315.205</b>
<b>III. THU NHẬP TỪ LÃI (THU NHẬP LÃI RÒNG)</b>	<b>170.911</b>	<b>248.592</b>
<b>IV. THU NGOÀI LÃI</b>		
1. Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	125	261
2. Thu phí dịch vụ thanh toán	12.622	16.169
3. Thu phí dịch vụ ngân quỹ	13	15
4. Thu từ tham gia thị trường ngoại tệ	-	-
5. Lãi từ kinh doanh ngoại hối	1.904	3.379
6. Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	-	-
7. Thu từ các dịch vụ khác	5.337	8.514
8. Các khoản thu nhập bất thường	20.847	5.164
<b>Tổng thu ngoài lãi</b>	<b>40.848</b>	<b>33.502</b>

# BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (tt.)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

## PHẦN I - LÃI, LỖ (tt.)

Đơn vị tính: Triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU	2005	2006
<b>V. CHI PHÍ NGOÀI LÃI</b>		
1. Chi khác về hoạt động huy động vốn	1.350	1.605
2. Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	4.219	5.834
3. Chi về tham gia thị trường tiền tệ	-	-
4. Lỗ từ kinh doanh ngoại hối	-	-
5. Chi về hoạt động khác	-	-
6. Chi nộp thuế	302	364
7. Chi nộp các khoản phí, lệ phí	980	775
8. Chi phí cho nhân viên	28.416	39.440
9. Chi hoạt động quản lý và công cụ	11.890	17.054
10. Chi khấu hao cơ bản TSCĐ	11.017	13.978
11. Chi khác về tài sản	7.965	11.850
12. Chi dự phòng	32.692	24.772
13. Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng, chi bồi thường BHTG	1.787	2.946
14. Chi bất thường	1	-
<b>Tổng chi phí ngoài lãi</b>	<b>100.619</b>	<b>118.618</b>
<b>VI. THU NHẬP NGOÀI LÃI</b>	<b>(59.771)</b>	<b>(85.116)</b>
<b>VII. THU NHẬP TRƯỚC THUẾ</b>	<b>111.140</b>	<b>163.476</b>
<b>VIII. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>	<b>31.119</b>	<b>44.298</b>
<b>IX. THU NHẬP SAU THUẾ</b>	<b>80.021</b>	<b>119.178</b>

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (tt.)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

### PHẦN II - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	2005	Số phải nộp	Số đã nộp	2006
<b>THUẾ</b>	<b>(11.582)</b>	<b>78.254</b>	<b>43.071</b>	<b>23.601</b>
1. Thuế VAT	178	2.517	2.447	248
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
3. Thuế xuất nhập khẩu	-	78	78	-
4. Thuế thu nhập	(11.760)	74.932	39.822	23.350
5. Thu sử dụng vốn ngân sách	-	-	-	-
6. Thuế tài nguyên	-	-	-	-
7. Thuế nhà đất	-	9	9	-
8. Tiền thuê đất	-	-	-	-
9. Các loại thuế khác	-	718	715	3

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	2005	2006
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>111.140</b>	<b>163.476</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Khấu hao TSCĐ	11.017	13.978
- Dự phòng	25.803	13.563
- Lãi lỗ do thanh lý TSCĐ	(329)	(33)
- Lãi lỗ do đánh giá lại tài sản	(64)	(148)
- Lãi lỗ từ việc bán chứng khoán	-	-
- Thu lãi đầu tư chứng khoán	(10.852)	(21.269)
- Lãi lỗ do đầu tư vào đơn vị khác (góp vốn, mua cổ phần)	(1.193)	(5.080)
- Các điều chỉnh khác	-	-
<b>2. Lợi nhuận KD trước những thay đổi về TS và công nợ HĐ</b>	<b>135.521</b>	<b>164.487</b>
<i>(Tăng)/Giảm tài sản hoạt động</i>		
- (Tăng)/Giảm tiền gửi tại TCTD khác	-	-
- (Tăng)/Giảm cho vay đối với TCTD khác	(9.271)	7.192
- (Tăng)/Giảm cho vay đối với khách hàng	(939.883)	(1.297.398)
- (Tăng)/Giảm lãi dự thu	(5.594)	(18.196)
- (Tăng)/Giảm các tài sản hoạt động khác	(1.058)	(57.294)
<i>Tăng/(Giảm) các khoản công nợ hoạt động</i>		
- Tăng/(Giảm) tiền gửi của các TCTD khác	115.977	319.654
- Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng	811.429	1.117.635
- Tăng/(Giảm) lãi dự trả	20.353	27.143
- Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá	-	208.954
- Tăng/(Giảm) vay NHNN	27.000	(13.604)
- Tăng/(Giảm) vay TCTD khác trong nước và nước ngoài	(25.778)	(50.000)
- Tăng/(Giảm) vốn tài trợ vốn ủy thác đầu tư	4.879	(6.489)
- Tăng/(Giảm) khoản nhận vốn để cho vay đồng tài trợ	-	-
- Tăng/(Giảm) các khoản công nợ hoạt động khác	5.708	(96)

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tt.)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	2005	2006
<b>3. Tiền thuần từ hoạt động KD trước thuế thu nhập DN</b>	<b>139.283</b>	<b>401.988</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(19.885)	(39.822)
- Chi từ các quỹ của TCTD	(8.431)	(15.956)
<b>4. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>110.968</b>	<b>346.210</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
- Mua TSCĐ theo nguyên giá	(25.424)	(25.713)
- Tiền thu do bán, thanh lý TSCĐ	330	33
- Tiền mua chứng khoán	(102.700)	(121.084)
- Tiền thu từ bán chứng khoán	10.000	10.000
- Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	10.852	21.269
- Góp vốn liên doanh, mua cổ phần	(5.500)	(13.000)
- Tiền thu từ góp vốn liên doanh, mua cổ phần	-	-
- Thu lãi góp vốn mua cổ phần	1.193	5.080
- Các hoạt động đầu tư khác	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(111.249)	(123.414)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
- Tăng/giảm vốn cổ phần	96.500	289.255
- Tiền lãi đã trả cho nhà đầu tư và TCTD	(35.306)	(49.531)
- Các hoạt động tài chính khác	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	61.194	239.724
<b>IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>60.913</b>	<b>462.521</b>
<b>V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>262.468</b>	<b>323.381</b>
<b>VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>323.381</b>	<b>785.901</b>
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN GỒM CÓ:</b>		
- Tiền, kim loại quý, đá quý	44.145	61.500
- Tiền gửi tại Ngân Hàng Nhà Nước	115.140	173.341
- Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	164.096	551.060

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với các báo cáo tài chính năm 2006 của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Công Thương (“Ngân hàng”).

## MỘT SỐ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

### A. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ</b>						
- Số dư đầu kỳ	-	136.114	17.848	9.370	18.099	181.431
- Số tăng trong kỳ	-	7.691	5.776	8.464	3.841	25.772
- Số giảm trong kỳ	-	-	817	472	749	2.038
- Số cuối kỳ	-	143.805	22.807	17.362	21.191	205.165
<b>II. Giá trị hao mòn</b>						
- Số dư đầu kỳ	-	23.338	4.766	3.649	9.467	41.220
- Số tăng trong kỳ	-	5.015	3.988	2.127	3.296	14.426
- Số giảm trong kỳ	-	-	702	194	437	1.333
- Số cuối kỳ	-	28.353	8.052	5.582	12.326	54.313
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
- Số dư đầu kỳ	-	112.776	13.082	5.721	8.632	140.221
- Số cuối kỳ	-	115.452	14.755	11.780	8.865	150.852

### B. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên (báo cáo theo năm)

CHỈ TIÊU	Năm 2006
<b>I. Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)</b>	817
<b>II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên</b>	
1. Tổng quỹ lương	33.433
2. Tiền thưởng	-
3. Tổng thu nhập	33.433
4. Tiền lương bình quân (người / tháng)	3,41
5. Thu nhập bình quân (người / tháng)	3,41

### C. Tình hình nợ quá hạn của Tổ chức tín dụng

CHỈ TIÊU	2005	2006
<b>I. Tổng dư nợ (TK loại 2)</b>	<b>3.574.142</b>	<b>4.864.349</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt.)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

<b>II. Các khoản nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5</b>	<b>26.391</b>	<b>37.459</b>
<b>III. Số nợ nhóm 2-5 có tài sản đảm bảo</b>	<b>26.391</b>	<b>37.459</b>
<b>IV. Tỷ lệ nợ nhóm 2-5 trên tổng dư nợ</b>	<b>0,74%</b>	<b>0,77%</b>
<b>D. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn và sử dụng vốn</b>		
CHỈ TIÊU	2005	2006
<b>PHẦN A: NGUỒN VỐN</b>	<b>4.290.929</b>	<b>6.240.308</b>
<b>I. Vốn huy động</b>	<b>3.475.261</b>	<b>5.057.900</b>
1. Tiền gửi	3.367.261	4.804.550
2. Tiền vay	108.000	44.396
<b>II. Nguồn vốn ủy thác đầu tư</b>	<b>143.378</b>	<b>136.889</b>
1. Bằng đồng Việt Nam	143.378	136.889
2. Bằng ngoại tệ	-	-
<b>III. Vốn và các quỹ</b>	<b>498.294</b>	<b>812.384</b>
1. Vốn của các TCTD	400.000	689.255
2. Các quỹ của TCTD	98.294	123.129
<b>IV. Nguồn vốn khác</b>	<b>173.996</b>	<b>233.135</b>
<b>PHẦN B: SỬ DỤNG VỐN</b>	<b>4.290.929</b>	<b>6.240.308</b>
<b>I. Tiền và giấy tờ có giá</b>	<b>44.145</b>	<b>61.500</b>
<b>II. Tiền gửi</b>	<b>279.235</b>	<b>724.401</b>
<b>III. Đầu tư vào chứng khoán</b>	<b>193.200</b>	<b>304.284</b>
<b>IV. Vốn góp liên doanh, mua cổ phần</b>	<b>57.500</b>	<b>70.500</b>
<b>V. Hoạt động tín dụng</b>	<b>3.574.142</b>	<b>4.864.349</b>
1. Cho vay các TCTD trong nước	19.364	12.172
2. Cho vay các TCKT và cá nhân trong nước	3.310.970	4.605.951
3. Nghiệp vụ chiết khấu, cầm cố giấy tờ có giá	76.358	114.901
4. Cho vay bằng vốn tài trợ ủy thác	163.950	131.325
5. Nghiệp vụ cầm đồ	-	-
6. Các khoản nợ chờ xử lý	3.500	-
7. Các khoản nợ khoanh	-	-
<b>VI. Tài sản cố định</b>	<b>140.211</b>	<b>150.852</b>
<b>VII. Sử dụng vốn khác</b>	<b>2.496</b>	<b>64.422</b>



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THE BOARD OF DIRECTORS



**Ông / Mr. NGUYỄN VĂN ÚC**  
Chủ Tịch HĐQT / Chairman

Trưởng Ban Tài Chính Quản Trị Thành Ủy TP.HCM  
Head of Finance Department, City Party Committee



**Ông / Mr. ĐÀO HẢO**  
Ủy Viên / Member

Phó Giám Đốc Ngân Hàng Ngoại Thương VN - CN TP.HCM  
Deputy Director of Vietcombank HCMC



**Ông / Mr. DƯƠNG XUÂN MINH**  
Phó Chủ Tịch HĐQT / Vice Chairman

Chuyên Viên Công Ty Dầu Khí TP.HCM  
Specialist of Saigon Petro



**Ông / Mr. TÔ VĂN CHÁNH**  
Ủy Viên / Member

Giám Đốc Ngân Hàng Công Thương VN - CN 1 TP.HCM  
Director of Branch 1, Vietincombank HCMC



**Ông / Mr. ĐỖ VĂN HOÀNG**  
Ủy Viên / Member

Chủ Tịch HĐQT Tổng Công Ty Du lịch Sài Gòn  
Chairman of the BOD of Saigon Tourist



**Bà / Ms. VÕ THỊ THÚY**  
Ủy Viên / Member

Giám Đốc Công Ty Du Lịch Thương Mại Kỳ Hòa  
Director, Ky Hoa Tourist & Trading Co., HCMC



**Ông / Mr. NGÔ THÀNH LƯƠNG**  
Ủy Viên / Member

Chánh Văn Phòng Quận Ủy Quận 6  
Chief of Secretariat, Party Committee of Dist. 6

## BAN KIỂM SOÁT THE SUPERVISORY BOARD



**Bà / Ms. NGUYỄN THỊ ẢNH**  
Kiểm Soát Viên / Comptroller



**Ông / Mr. NGUYỄN HỮU HẠNH**  
Kiểm Soát Viên Trưởng / Chief Comptroller  
Kế Toán Viên Công Ty Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu TP.HCM  
Accountant of Agrex Saigon



**Bà / Ms. BÙI THỊ MAI**  
Kiểm Soát Viên / Comptroller

## BAN ĐIỀU HÀNH THE MANAGEMENT



**Bà / Ms. TRẦN THỊ VIỆT ÁNH**  
Tổng Giám Đốc / Director General



**Bà / Ms. NGUYỄN THỊ MƯỜI**  
Phó Tổng Giám Đốc  
Deputy Director General



**Bà / Ms. PHẠM THỊ CÚC**  
Phó Tổng Giám Đốc  
Deputy Director General

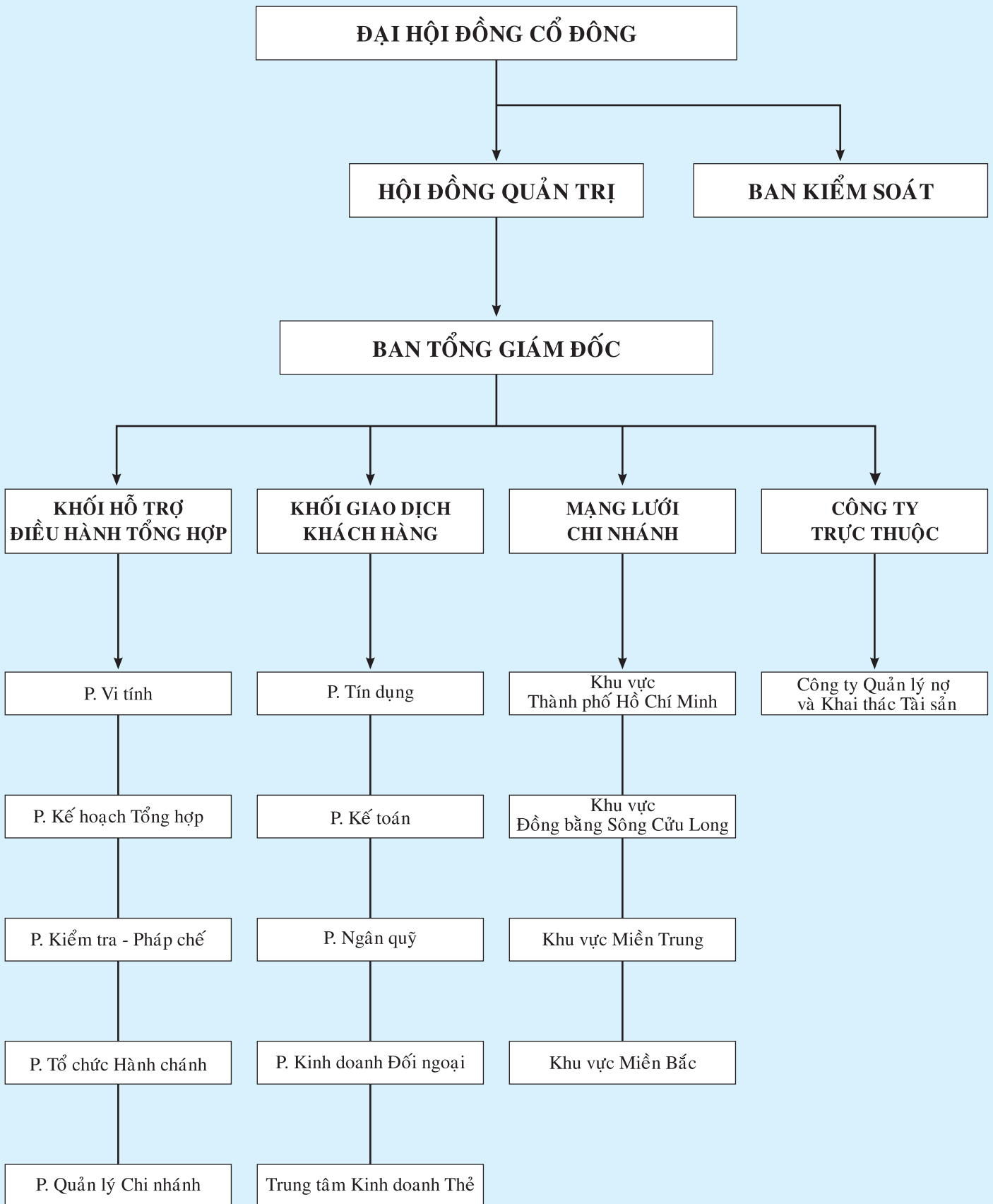


**Bà / Ms. NGÔ THANH HÀ**  
Phó Tổng Giám Đốc  
Deputy Director General

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

## SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG NGÂN HÀNG

(Tính đến 31.12.2006)





**ANNUAL  
REPORT  
2006**

## **CONTENTS**

---

<b>Page 29</b>	<b>2006 Financial highlights</b>
<b>Page 30</b>	<b>Message from the Chairman</b>
<b>Page 32</b>	<b>Report on 2006 operational performance Business directions and targets for 2007</b>
<b>Page 38</b>	<b>Auditors' report</b>
<b>Page 39</b>	<b>Financial statements</b>
<b>Page 24</b>	<b>The Board of Directors, the Supervisory Board and the Management</b>
<b>Page 49</b>	<b>Organization chart</b>
<b>Page 51</b>	<b>Correspondent banks</b>
<b>Page 57</b>	<b>Branch network</b>

## **2006 FINANCIAL HIGHLIGHTS**

---

<b>Net income (VND)</b>	<b>119.18 billion</b>
<b>Total assets (VND)</b>	<b>6,240.31 billion</b>
<b>Shareholders' equity (VND)</b>	<b>689.255 billion</b>
<b>Return on average assets</b>	<b>2.17%</b>
<b>Return on average equity</b>	<b>21.18%</b>

## MESSAGE FROM THE CHAIRMAN



Mr. NGUYEN VAN UC  
Chairman

*Ladies and gentlemen,*

*In the year 2006, the domestic socioeconomic situation continues to develop, the country's position ranks higher in the world ...contributing its very great part to expand manufacturing and business operations of local investors, and attracting foreign investments. However, there are still many difficulties and challenges, and disadvantageous impacts such as: natural calamity, epidemic diseases as well as the SBV's renovation of management structure of monetary policy affecting considerably the credit institutions in general and Saigonbank in particular.*

*In that general context, Saigonbank's business in 2006 has still attained relatively high growth as compared to that of the average of the banking industry, i.e. Saigonbank had met and exceeded 6 targets set out for 2006 such as: mobilizing, providing loans, bad debt, profit, dividend and establishing of new branches. If compared to 2005, the total capital increased by 45%, mobilized capital by 44%, lending by 36%, profit by 45% and operational network by 52% ; we have strengthened and improved the quality of the credit activities, branches network, development of new e-banking products, restructure of operational organization for rapid growth and promotion of Saigonbank's brand name; the bank's operations develop stably in a controllable manner, with high efficiency and are rated "A" by the SBV.*

*In the year 2007, Saigonbank's business activities will be facing a lot of difficulties and challenges in the financial – monetary market, especially after the Government loosens the regulations to conform the WTO's commitments towards the operations of foreign banks and financial institutions in Vietnam, after 1<sup>st</sup> April 2007. The international market interest rate trends to fluctuate and puts pressure on that of local market ...All these will be direct challenges to local banks, in which Saigonbank is one of them.*

*Saigonbank's targets for 2007 are relatively high, and aggressive to keep the speedy growth and to expand the operations, i.e by increasing the chartered capital to VND1,020 billion (an increase of VND330 billion) and issuing VND1,000 billion worth of convertible bonds; total liabilities and*

capital will increase by 42%, mobilized capital by 40%, total outstanding loans by 36% (of which NPL is less than 2% of the total outstanding loans); international payment to be increased by 19%; establishment of 6 new branches and 7 transaction offices, and some other branches and transaction offices when requirements are met. This is a very hard task for Saigonbank to maintain the rank and speed up the development. This requires Saigonbank's Board of Management and staffs to strive aggressively, dynamically and creatively to find best solutions to:

1. Increase financial capability to ensure SGB competitive ability and development, to mobilize capital through more channels – expand customers base and increase funds from foreign sources.

2. Enhance the management capability and build up the qualified, competent workforce which are faithful to Saigonbank; conduct training for staffs in the country and overseas to meet the workforce requirement for the needs of development and enlargement of network.

3. Enhance the operational capability of the workforce for attracting more customers, expand service activities, and minimize risks; launch the emulative movements among the staffs, organize the promotion scheme to make the brand name known to the public; implement one meaningful and practical project to celebrate Saigonbank 20<sup>th</sup> anniversary of establishment.

Ladies and gentlemen,

With the achievements in 2006, from the operation, with opportunities, challenges, and the determination of all Saigonbank's staffs, I believe that Saigonbank will overcome difficulties and challenges to get the best results in 2007.

On behalf of The Board of Directors of Saigonbank, I would like to send you our sincere thanks, and wish all of you good health and success.

Chairman

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Uc', with a long horizontal line underneath it.

Nguyen Van Uc



# REPORT ON 2006 OPERATIONAL PERFORMANCE BUSINESS DIRECTIONS AND TARGETS FOR 2007

On 24 March 2006 and 15 November 2006, the Shareholders' General Meeting passed the following business targets for the year 2006 for Saigonbank:

1. **Increase of chartered capital** from VND400 billion to VND700 billion.
2. **Capital mobilization** : VND4,846 billion.
3. **Outstanding loans**: VND4,632 billion.
4. **NPL** (from category 3 to 5): under 2% of the total outstanding loan.
5. **Network expansion**:
  - Upgrade of 10 sub-branches into branches and conversion of 3 others into transaction offices.
  - 3 new branches in Hue, Dong Nai, and Binh Duong.
  - 7 transaction offices in An Giang, Da Nang, Bac Lieu and HCM city.
6. **Profit**: VND130 billion (provision deducted, extraordinary income excepted).
7. **Dividend**: min 14%/ year.

## I. SAIGONBANK'S OPERATION IN 2006:

Based on the Vietnam socio-economic status and targets assigned by the Shareholders' General Meeting for 2006, we have implemented and got the following results:

**1. Total operation capital:** it amounted to VND6,240 billion, an increase of 45% as compared with 2005-end, including:

1.1. Chartered capital: VND689.255 billion, 72% increase against 2005, reaching 98% of the planned target which is VND700 billion.

1.2. Mobilized capital: VND5,195 billion, an increase of 44% compared to 2005-end, representing 107% of the year planned target.

**2. Credit activities:** As of 31 December 2006, total outstanding loans amounted to VND4,864 billion, an increase of 36% compared to that of at the end of 2005, which is 105% of the year planned target.

- NPL (from category 3 to 4) accounted for 0.48% of the total outstanding loan, less than the target assigned by the Shareholders' General Meeting (under 2%) and State Bank of Vietnam (SBV) (under 5%) and no bad debt (category 5).

- Guarantees and off balance sheet commitments : VND254 billion.

- Highlights:

+ Quality of credit activities has been improved: NPL is low and almost all of the loans are secured with pledged assets, in accordance with SBV's stipulations; no risk found.

+ Continuity of the extraction for general provision (0.75%) for VND 24.77 billion in 2006 instead of extracting gradually in 5 years time as required by the SBV.

## 3. Service activities:

**3.1. International banking activities:** International banking turnover amounted to USD302 million, an increase of 12% compared to that of at the end of 2005, of which, trade settlement of USD289 million, up by 12% against 2005.

**3.2. Domestic banking activities:** Domestic banking turnover amounted to VND411trillion, an increase by 46% as compared to 2005-end. The participation into inter-bank payment system (IBPS) speeds up funds transfer as well as increases turnover.

**3.3. Forex dealing activities:** Total forex dealing turnover came up to USD622 million. Forex dealings supplied sufficient foreign currencies for overseas settlement activities, as well as prevented risks due to exchange rate fluctuation for Vietnamese enterprises in import-export business and guaranteed the safety ratio required by the SBV's foreign exchange regulations.

**3.4. Capital contribution for joint ventures:**

- As of the end of 2006, Saigonbank had contributed VND70.5 billion to: Gia Dinh Bank, Saigon-Ha Long Hotel, National Finance Company (BankNet) and Asset Management Company (AMC).

- In 2006, Saigonbank received VND5 billion as dividend from joint venture activities, of which, VND4 billion from AMC and about VND1 billion from Saigon-Ha Long Hotel.

**3.5. Financial investment:** As of the end of 2006, Saigonbank had purchased State treasury bonds, company's bonds totalling VND304 billion, an up by 57% against 2005 and had VND21 billion as income.

**3.6. Domestic and foreign deposit activities:** As of the end of 2006, Saigonbank had a balance of VND551 billion in the accounts opened at local and foreign banks. It makes the bank activities more efficient with VND43 billion as income.

**3.7. Card activities:**

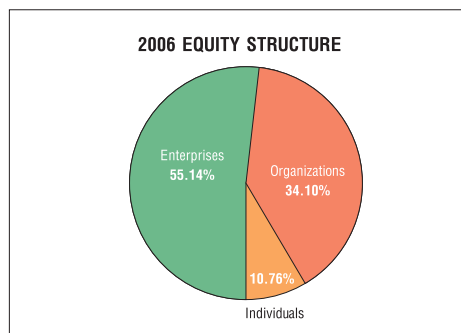
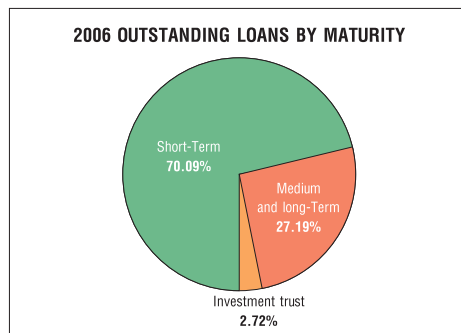
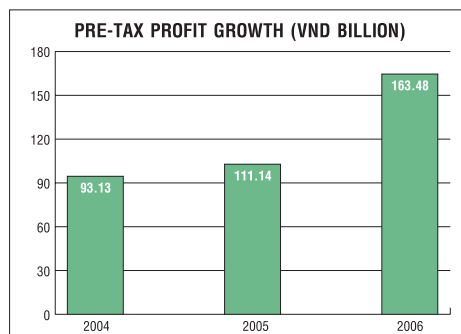
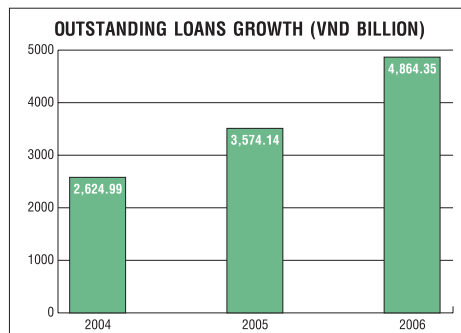
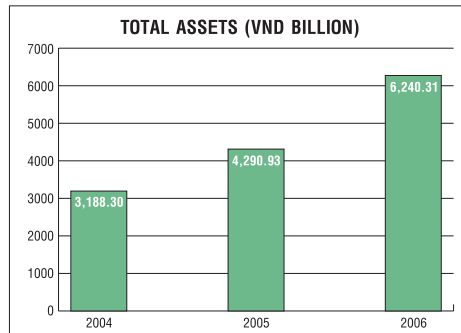
3.7.1. *International credit card:* amount acquired in 2006 was USD3.54 million, an increase of USD1.04 million compared to 2005.

3.7.2. *Saigonbank's multi-purpose bankcard:*

+ In 2006, 33,000 cards were issued making a total of 82,000 cards with VND42 billion balance by end of 2006.

+ As of the end of 2006, Saigonbank has had 53 ATMs located in all over the country in big provinces/ cities. Besides, cards issued by Saigonbank, being a founding member of VNBC system, are accepted on other 400 ATMs and at 200 POS within VNBC system.

**3.8. New products:** In 2006, Saigonbank had new products such as Phone Banking, Internet Banking, connecting online all the branches in the area, to make transactions more convenient.



**4. Asset management company (AMC) and Riverside Hotel:** In 2006, AMC and Riverside Hotel had a total revenue of VND10.74 billion, expenses of VND7.85 billion and a profit recorded at VND2.89 billion.

**5. Operation network:**

- 10 sub-branches upgraded into branches and other 3 sub-branches converted into transaction offices.
- 3 new branches in Hue, Dong Nai, Binh Duong.
- 6 new transaction offices in An Giang, Bac Lieu, Da Nang, Ha Noi, Quang Ninh and HCM city.



*Opening Ceremony of Binh Duong Branch*

So, as of the end of 2006, Saigonbank had 36 branches and transaction offices located in big provinces/cities in the country.

**6. Branches' activities:**

**6.1. Capital mobilization:** VND3,308 billion, an increase of 47% compared to 2005-end, representing 64% of total mobilized capital of the whole network.

**6.2. Outstanding loan:** VND3,557 billion, an increase of 32% compared with that of 2005, being 73% of that of the bank, of which, NPL (from category 3 to 4) accounts for 0.31% of total bank's outstanding loan but no bad debt (category 5).

**6.3. Operation results:** Total profit in 2006 reached VND75.24 billion, an increase of 91% compared with 2005 and accounted for 47% of the total profit of the bank.

Generally speaking, branches' activities are fairly stable in 2006 and branches had gradually improved their management, operation and activities expansion.



*Opening Ceremony of District 8 Transaction Office*

**7. HR, training, organization:**

- In 2006, Saigonbank recruited 247 people to supplement the need for network expansion and as of the end of 2006, total staffs of Saigonbank was 817, of which, managerial staff accounted for over 20%.

- Trainings in the country and overseas are conducted on a regular basis to improve qualifications and bring knowledge to the staffs to prepare themselves for the integration to the world trade and as of the end of 2006, 67% of Saigonbank's staff had university and master's degree; 33% college certificate level.

- In 2006, Saigonbank restructured the organization and made some changes to provide convenience to customers as the first steps for newer organization matching the modern banking practices.

**8. Internal auditing activities:** Conducting periodic auditing work at subsidiaries to improve the quality of business activities and recommend appropriate corrective and preventive measures to ensure the growth and development of the bank.

**9. Management - operation task:**

- To perform the resolution of the General Meeting of Shareholders and regulations of the banking industry, the Board have regular meetings as scheduled to keep track of operations, make policies, propose measures to meet the General Meeting of Shareholders' targets.
- The standing Vice Chairman works closely with the management to supervise and speed up the implementation of the resolutions of the General Meeting of Shareholders' and the Board of Directors regularly visit branches and customers to understand their needs, problems to solve as well as support the management in expanding branches network.
- All the the Board of Directors' minutes of meeting are signed, the Boards' fund and other funds are utilized properly. Increase of the chartered capital by issuing shares, and shares transfers were well controlled.

**10. Charity, social activities:**

- Internal unions such as party cell, youth, trade union were strengthened, consolidated and awarded the highest merits.
- In 2006, Saigonbank supported social, charity activities, totaling VND0.29 billion being savings of one day salary/ quarter of all employees and from welfare fund. With these achievements in social, charity activities, Saigonbank was awarded Golden cup in 2006 "For the development of the community" by Vietnam Labor Union and Small-Medium Enterprise Association.



*Saigonbank's football team*

**11. Business results:**

In 2006, Saigonbank gained a pre-tax profit of VND163.48 billion, an increase by 47% compared to 2005-end, meeting 126% of Shareholders' General Meeting target (VND163.48 billion/ VND130 billion).

**12. Brand name promotion:**

In 2006, advertising was given more importance and followings are results:

- Certificate of "Saigonbank - the well known brand name in Vietnam voted by the consumers in the year 2006".
- "The Vietnam golden star 2006."
- Golden cup "For the development of the community" in 2006.
- Certificate of "National competitive trademark".

**13. Dividend in 2006:** dividend is expected at 15%/ year.

In brief, with best efforts and high responsibility, Saigonbank Board, the management and employees had over fulfilled the targets set for 2006 as follows

1. Growth of activities: from 36% to 45%/ year, in which, total liabilities and capital increased by 45%, mobilized capital 44%, loans 36%, profit 45% and network expansion 52% compared with 2005.

2. Over fulfillment of six targets assigned by the Shareholders' General Meeting in 2006: capital mobilization, lending, NPL, profit, dividend and member of new branches .



3. Strengthening and improving the quality of the following activities: lending, branch network, new e-banking products, operation organization and promotion of Saigonbank brand name in the market.

4. Fast growth of business activities, stable development in the controllable manner and with high efficiency.

5. Rated “A” by the SBV.

However, besides the achievements, the following issues need to have active measures in 2007 to meet the target:

1. Bank's listing in stock exchange and increase of chartered capital as resolved by Shareholders' General Meeting.

2. Higher income from service (currently 16%, still low as compared with total bank income).

3. Deployment of Core Banking System Project.

## **II. TARGET, ORIENTATION OF THE YEAR 2007:**

1. To deploy Core Banking Project.

2. To increase gradually the chartered capital as per the time line regulated by the Government .

3. To improve operation quality, increase liquidity ratio and finance investment.

4. To strengthen, build and develop the network under control and ensure the effectiveness of business activities.

5. To continue to recruit new and young staff and to train them on business knowledge, new technology, administration.

6. To list Saigonbank in the stock exchange.

7. To study to establish a securities company.

8. To continue to build Saigonbank trade name.

## **III. PROSPECT IN 2007:**

1. Chartered capital: up to VND1,020 billion (by issuing additional VND330 billion worth of shares).

2. Issuance of VND1,000 billion worth of convertible bonds.

3. Total liabilities and capital: VND8,835 billion, increase of 42% compared to 2006.

4. Mobilized capital: VND7,273 billion, increase of 40% compared to 2006.
5. Outstanding loans: VND6,615 billion, increase of 36% compared to 2006, of which, NPL under 2% of the outstanding loan total.
6. International banking activities: USD340 million, increase of 19% compared to 2006.
7. Branch network: establish 6 new branches in Ca Mau, Tien Giang, Dac Lak, Binh Thuan, Lao Cai, Hai Phong, HCMC, Ha Noi and 7 transaction offices in Ha Noi, Hue, HCMC, Can Tho, Quang Ninh and some other branches and transaction offices when authorised.
8. Pre-tax profit: VND230billion (including Riverside hotel's profit, extraordinary income VND17 billion and specific provision extracted), an increase of 41% compared to that of in 2006 (VND230 billion/ VND163 billion).
9. Dividend: expected to reach at least same interest rate of 12 months term savings.

#### **IV. MEASURES TO BE TAKEN IN 2007:**

##### **1. Business:**

- To increase the chartered capital, by issuing shares, convertible bonds as per the proposal submitted for approval, following the time lime set by the Government.
- To complete the procedures to list Saigonbank in the stock exchange.
- To strengthen the activities of branches and transaction offices and establish new branches, transaction offices as per set targets to expand network activities.
- To issue term bills and bonds.
- Research, develop financial investment services, change capital investment projects, increase liquidity ratio to bring efficiency to the operations and increase fee income.
- Study and establish companies dealing with securities, insurance and get the SBV approval to introduce Option into the daily operation.
- To study to find suitable solution to develop traditional and modern products.

##### **2. Supporting solutions:**

###### **2.1. HR:**

- + To coordinate with an HR consultant company to set out policies for salary, bonus, benefits to nurture the existing work force and attract new ones to meet the demand for development and expansion in the future.
- + To plan for future managerial staff by proper and special training.
- + To make plan for training, refreshing staff knowledge with training courses, local or in foreign countries on modern banking.

###### **2.2. Bank image publicity:**

To continue to make Saigonbank trademark well known on the occasion of anniversary, to use media program to make known the activities of the bank via occasions such as opening of new branches.

###### **2.3. CoreBanking:**

To implement Core Banking system successfully in 2007 to celebrate Saigonbank 20<sup>th</sup> anniversary.

2.4. Regulations: to continue to review, add regulations as per SBV requirements and other local authorities after Vietnam becoming a WTO member.



# CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

## Auditing & Informatics Services Company

Office: 142 Nguyen Thi Minh Khai Street, District 3, HCMC  
Tel: (84-8) 9305163 (10 lines) Fax: (84-8) 9304281  
Email: aisc@hcm.vnn.vn

No: 1106610/AISC-DN

### AUDITORS' REPORT ON THE 2006 FINANCIAL STATEMENTS OF SAIGON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE

**To: THE SHAREHOLDERS OF SAIGON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**

1. We have audited the financial statements including: Balance Sheet, Income Statement, Cash Flows Statement and Notes to the Financial Statements for the fiscal year ended 31/12/2006 of Saigon Bank for Industry and Trade on page 03 to page 26\*.

The Management is responsible for the preparation of financial statements. It is our responsibility to form an independent opinion, based on our audit, on those financial statements.

#### 2. Basis of auditing

We conducted our audit in accordance with the Vietnamese Government's regulations on the accounting-auditing; and in compliance with the Vietnamese and International Auditing Standards and the general rules on auditing applicable in the S.R.Vietnam.

An audit includes examination, on a test basis, of evidence relevant to the amounts and disclosures in the financial statements. It also includes an assessment of the significant estimates and judgments made by the Management in the preparation of the financial statements, and of whether the accounting policies are appropriate to the Bank's circumstance, consistently applied and adequately disclosed.

We planned and performed our audit so as to obtain all the information and explanations which we considered necessary in order to provide us with sufficient evidence to give reasonable assurance as to whether the financial statements are free from material misstatements. In forming our opinion, we also evaluated the overall adequacy of the presentation of information in the financial statements. We believe that our audit provides a reasonable basis for our opinion.

#### 3. Opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the state of affairs of Saigon Bank for Industry and Trade as at 31 December 2006 and of the results of its operations for the year then ended.

Those reports have been prepared in compliance with the Vietnamese Accounting Standard and the Chart of Accounts Applicable to Credit Institutions- promulgated in conjunction with Decision No. 479/2004/QĐ-NHNN dated 29 April 2004 by the Governor of the State Bank of Vietnam.

*Ho Chi Minh City, 20 January 2007*

Director



**Nguyen Huu Tri**

Director

CPA No. 0476/KTV

Issued by the Vietnam Ministry of Finance

Auditor

**Vo Hong Quan**

Auditor

CPA No. D0204/KTV

Issued by the Vietnam Ministry of Finance

(\*From page 39 to page 48 of this Annual Report)

# BALANCE SHEET

As at 31 December 2006

Unit: VND Million

ASSETS	2005	2006
<b>I. CASH ON HAND</b>	<b>44,145</b>	<b>61,500</b>
<b>II. DEPOSITS WITH THE STATE BANK</b>	<b>115,140</b>	<b>173,341</b>
<b>III. DEPOSITS WITH LOCAL AND OVERSEAS CREDIT ORGANIZATIONS</b>	<b>164,096</b>	<b>551,060</b>
<b>IV. LOANS TO OTHER CREDIT ORGANIZATIONS</b>		
- Loans to other credit organizations	19,364	12,172
- Loan loss provision	(145)	(91)
<b>V. LOANS TO DOMESTIC ECONOMIC ORGANIZATIONS AND INDIVIDUALS</b>		
- Loans to domestic economic organizations and individuals	3,554,779	4,852,177
- Loan loss provision	(27,671)	(41,121)
<b>VI. INVESTMENTS</b>		
1. Investment in securities		
- Investment in securities	193,200	304,284
- Provision for decline in securities value	-	-
2. Capital contribution, share purchase	57,500	70,500
<b>VII. ASSETS</b>		
1. Fixed assets		
- Cost	181,431	205,165
- Accumulated depreciation	(41,220)	(54,313)
2. Other assets	336	358
<b>VIII. OTHER ASSETS</b>		
1. Receivables	20,965	77,906
2. Interest income accrued	10,223	28,419
3. Other assets	529	861
4. Other provisions	(1,743)	(1,910)
<b>TOTAL ASSETS</b>	<b>4,290,929</b>	<b>6,240,308</b>



## BALANCE SHEET (cont.)

As at 31 December 2006

Unit: VND Million

LIABILITIES AND SHAREHOLDERS' FUNDS	2005	2006
<b>I. DEPOSITS OF THE STATE TREASURY &amp; OTHER CREDIT ORGANIZATIONS</b>		
1. Deposits of the State Treasury	-	-
2. Deposits of other credit organizations	537,196	856,850
<b>II. LOANS FROM THE STATE BANK, CREDIT ORGANIZATIONS</b>		
1. Loans from the State Bank	58,000	44,396
2. Loans from domestic credit organizations	50,000	-
3. Loans from overseas credit organizations	-	-
4. Capital received for syndicated loans	-	-
<b>III. DEPOSITS OF ECONOMIC ORGANIZATIONS &amp; INDIVIDUALS</b>	<b>2,830,064</b>	<b>3,947,700</b>
<b>IV. CAPITAL FINANCED FOR INVESTMENT TRUST</b>	<b>143,378</b>	<b>136,889</b>
<b>V. VALUABLE PAPERS ISSUED</b>	<b>-</b>	<b>208,954</b>
<b>VI. OTHER LIABILITIES</b>		
1. Payables	17,507	41,278
2. Interest expense accrued	39,752	66,895
3. Other liabilities	5,598	5,784
<b>VII. CAPITAL AND FUNDS</b>		
1. Capital		
- Share capital	400,000	689,255
- Construction capital	-	-
- Other capital	-	-
2. Funds	98,294	123,129
3. Last year profit/loss	111,140	-
4. Current year profit/loss	-	119.178
<b>TOTAL LIABILITIES AND CAPITAL</b>	<b>4,290,929</b>	<b>6,240,308</b>

## BALANCE SHEET (cont.)

As at 31 December 2006

### OFF - BALANCE SHEET ITEMS

*Unit: VND Million*

ITEMS	2005	2006
1. Cash without circulation value	9	11
2. Valuable papers in foreign currencies	91,298	114,499
3. Guarantees issued (for customers)	142,279	254,398
4. Foreign exchange contracts	-	-
5. Other guarantees received	932	1,342
6. Outstanding interest receivable in VND	29,809	32,962
7. Outstanding interest receivable in foreign currencies	1,853	1,879
8. Valuable papers of the Bank	-	-
9. Bad debts under monitoring	89,449	95,285
10. Other assets kept for customers	-	-
11. Collateral assets from customers	6,445,471	8,917,677
12. Customers' assets kept by the Bank pending solution	63,781	63,445
13. Valuable papers pawned by the customers	13,419	27,711
14. Other valuable papers	199,206	237,403
<b>TOTAL</b>	<b>7,077,506</b>	<b>9,746,612</b>

# INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2006

## PART I - PROFIT, LOSS

Unit: VND Million

ITEMS	2005	2006
<b>I. INCOME FROM INTEREST</b>		
1. Interest income from lending activities (excluding internal lending interest)	335,331	494,346
2. Interest income from deposits	10,309	43,078
3. Income from capital contribution, investment	1,193	5,080
4. Income from finance leasing activities	-	-
5. Other income from credit activities	10,932	21,293
<b>TOTAL</b>	<b>357,765</b>	<b>563,797</b>
<b>II. INTEREST EXPENSES</b>		
1. Interest expense on customers' deposits	171,571	294,262
2. Interest expense on borrowings (excluding internal lending interest)	15,283	14,669
3. Interest expense on valuable papers issued	-	6,274
<b>TOTAL</b>	<b>186,854</b>	<b>315,205</b>
<b>III. NET INTEREST INCOME</b>	<b>170,911</b>	<b>248,592</b>
<b>IV. OTHER INCOMES</b>		
1. Income from bank guarantees	125	261
2. Income from settlement services	12,622	16,169
3. Income from treasury services	13	15
4. Income from money market transactions	-	-
5. Income from foreign currency trading	1,904	3,379
6. Income from trust and agent services	-	-
7. Income from other services	5,337	8,514
8. Extraordinary income	20,847	5,164
<b>TOTAL</b>	<b>40,848</b>	<b>33,502</b>

## INCOME STATEMENT (cont.)

For the fiscal year ended 31 December 2006

### PART I - PROFIT, LOSS (cont.)

Unit: VND Million

ITEMS	2005	2006
<b>V. OTHER EXPENES</b>		
1. Other expenses on capital mobilization	1,350	1,605
2. Expense on settlement and treasury services	4,219	5,834
3. Expense on money market transactions	-	-
4. Loss from foreign currency trading	-	-
5. Other expenses	-	-
6. Taxes	302	364
7. Fees and charges	980	775
8. Staff expense	28,416	39,440
9. Administrative expenses	11,890	17,054
10. Depreciation expenses on fixed assets	11,017	13,978
11. Other expenses for assets	7,965	11,850
12. Loan loss provision	32,692	24,772
13. Deposit insurance premiums	1,787	2,946
14. Other extraordinary expenses	1	-
<b>TOTAL</b>	<b>100,619</b>	<b>118,618</b>
<b>VI. OTHER NET INCOME</b>	<b>(59,771)</b>	<b>(85,116)</b>
<b>VII. INCOME BEFORE TAX</b>	<b>111,140</b>	<b>163,476</b>
<b>VIII. CORPORATE INCOME TAX</b>	<b>31,119</b>	<b>44,298</b>
<b>IX. INCOME AFTER TAX</b>	<b>80,021</b>	<b>119,178</b>

## INCOME STATEMENT (cont.)

*For the fiscal year ended 31 December 2006*

### PART II - OBLIGATIONS TO THE STATE BUDGET

*Unit: VND Million*

ITEMS	2005	Payables	Paid	2006
<b>TAXES</b>	<b>(11,582)</b>	<b>78,254</b>	<b>43,071</b>	<b>23,601</b>
1. VAT	178	2,517	2,447	248
2. Special consumption tax	-	-	-	-
3. Import, export duty	-	78	78	-
4. Corporate income tax	(11,760)	74,932	39,822	23,350
5. Fee for using the State budget	-	-	-	-
6. Natural resources tax	-	-	-	-
7. Land, housing tax	-	9	9	-
8. Land rental	-	-	-	-
9. Other taxes	-	718	715	3

# STATEMENT OF CASH FLOWS

For the fiscal year ended 31 December 2006

Unit: VND Million

ITEMS	2005	2006
<b>I. CASH FLOW FROM OPERATING ACTIVITIES</b>		
<b>1. Profit before tax</b>	<b>111,140</b>	<b>163,476</b>
<i>Adjustments for reconciliation</i>		
- Depreciation	11,017	13,978
- Loan loss provision	25,803	13,563
- Loss (Gain) on disposal of fixed assets	(329)	(33)
- Loss (Gain) on revaluation of fixed assets	(64)	(148)
- Loss (Gain) on selling securities	-	-
- Loss (Gain) on securities investment	(10,852)	(21,269)
- Loss (Gain) on capital contribution, investment	(1,193)	(5,080)
- Others	-	-
<b>2. Cash flow from operating activities before assets and liabilities changes</b>	<b>135,521</b>	<b>164,487</b>
<i>(Increase)/Decrease in assets</i>		
- (Increase)/Decrease in deposits with other credit organizations	-	-
- (Increase)/Decrease in loans to other credit organizations	(9,271)	(7,192)
- (Increase)/Decrease in loans to customers	(939,883)	(1,297,398)
- (Increase)/Decrease in interest income accrued	(5,594)	(18,196)
- (Increase)/Decrease in other assets	(1,058)	(57,294)
<i>Increase/(Decrease) in liabilities</i>		
- Increase/(Decrease) in deposits of credit organizations	115,977	319,654
- Increase/(Decrease) in customers' deposits	811,429	1,117,635
- Increase/(Decrease) in interest expense accrued	20,353	27,143
- Increase/(Decrease) in valuable papers issued	-	208,954
- Increase/(Decrease) in borrowings from the State Bank	27,000	(13,604)
- Increase/(Decrease) in borrowings from other credit organizations	(25,778)	(50,000)
- Increase/(Decrease) in capital financed for investment trust	4,879	(6,489)
- Increase/(Decrease) in capital received for co-financing	-	-
- Increase/(Decrease) in other liabilities	5,708	(96)

## STATEMENT OF CASH FLOWS (cont.)

For the fiscal year ended 31 December 2006

Unit: VND Million

ITEMS	2005	2006
<b>3. Net cash flow from operating activities before C.I.T.</b>	<b>139,283</b>	<b>401,988</b>
- Corporate income tax (C.I.T) paid	(19,885)	(39,822)
- Payment from the Bank's reserves	(8,431)	(15,956)
<b>4. Net cash flow from operating activities</b>	<b>110,968</b>	<b>346,210</b>
<b>II. CASH FLOW FROM INVESTMENT ACTIVITIES</b>		
- Fixed assets purchased at cost	(25,424)	(25,713)
- Cash received from disposal of fixed assets	330	33
- Securities purchased	(102,700)	(121,084)
- Cash received from selling securities	10,000	10,000
- Interest received from securities investment	10,852	21,269
- Capital contribution, investment	(5,500)	(13,000)
- Cash received from capital contribution, investment	-	-
- Interest received from capital contribution, investment	1,193	5,080
- Other investments	-	-
Net cash flow from investment activities	(111,249)	(123,414)
<b>III. CASH FLOW FROM FINANCING ACTIVITIES</b>		
- Increase/(Decrease) in share capital	96,500	289,255
- Dividend paid to shareholders	(35,306)	(49,531)
- Other financing activities	-	-
Net cash flow from financing activities	61,194	239,724
<b>IV. NET CASH FLOW IN THE YEAR</b>	<b>60,913</b>	<b>462,521</b>
<b>V. CASH &amp; CASH EQUIVALENTS AT BEGINNING OF THE YEAR</b>	<b>262,468</b>	<b>323,381</b>
<b>VI. CASH &amp; CASH EQUIVALENTS AT YEAR END</b>	<b>323,381</b>	<b>785,901</b>
CASH & CASH EQUIVALENTS:		
- Cash, precious metals and stones	44,145	61,500
- Deposits with the State Bank	115,140	173,341
- Deposits with other credit organizations	164,096	551,060

# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2006

These notes to the financial statements form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying 2006 financial statements of Saigon Bank for Industry and Trade (“The Bank”).

## DETAILS OF SOME ITEMS IN THE FINANCIAL STATEMENTS

### A. Movement of fixed assets

Unit: VND Million

Item	Land	Buildings	Office machinery, equipment	Transport. means	Others	Total
<b>I. At cost</b>						
- Beginning balance	-	136,114	17,848	9,370	18,099	181,431
- Increase	-	7,691	5,776	8,464	3,841	25,772
- Decrease	-	-	817	472	749	2,038
- Ending balance	-	143,805	22,807	17,362	21,191	205,165
<b>II. Accumulated depreciation</b>						
- Beginning balance	-	23,338	4,766	3,649	9,467	41,220
- Increase	-	5,015	3,988	2,127	3,296	14,426
- Decrease	-	-	702	194	437	1,333
- Ending balance	-	28,353	8,052	5,582	12,326	54,313
<b>III. Net book value</b>						
- Beginning balance	-	112,776	13,082	5,721	8,632	140,221
- Ending balance	-	115,452	14,755	11,780	8,865	150,852

### B. Employees' income

ITEM	2006	
<b>I. Total number of employees</b>	817	
<b>II. Employees' income</b>		
1. Total salary	33,433	
2. Bonus	-	
3. Total income	33,433	
4. Average salary (person / month)	3.41	
5. Average income (person / month)	3.41	
<b>C. Overdue loans</b>		
ITEM	2005	2006
<b>I. Total outstanding loans</b>	<b>3,574,142</b>	<b>4,864,349</b>



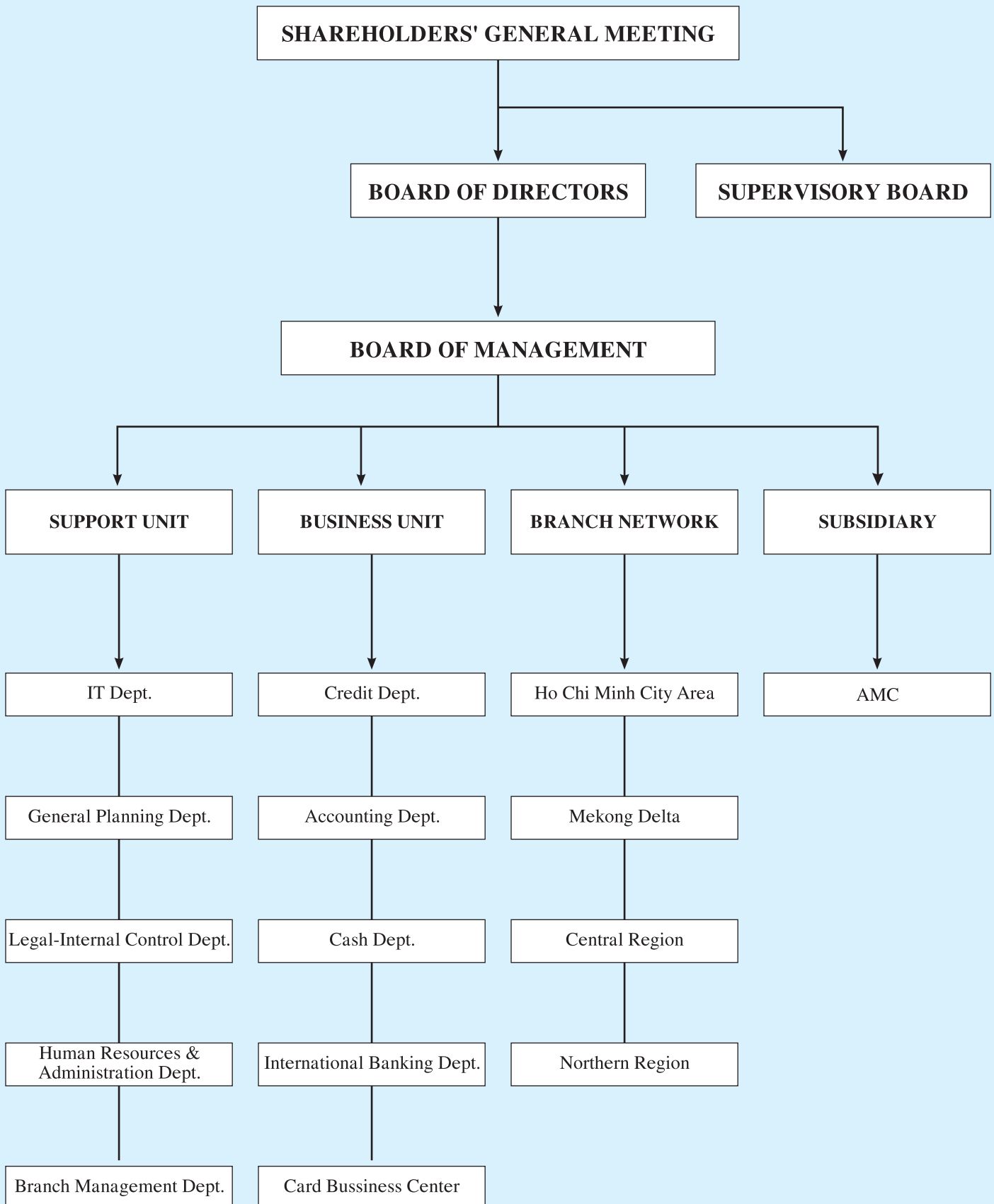
## NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (cont.)

*For the fiscal year ended 31 December 2006*

<b>II. Overdue loans from group 2 to 5</b>	<b>26,391</b>	<b>37,459</b>
<b>III. Overdue loans (group 2-5) having secured assets</b>	<b>26,391</b>	<b>37,459</b>
<b>IV. Overdue loans (group 2-5) ratio</b>	<b>0.74%</b>	<b>0.77%</b>
<b>D. Increase &amp; decrease of the sources and utilization of funds</b>		
ITEM	2005	2006
<b>PART A: SOURCES OF FUNDS</b>	<b>4,290,929</b>	<b>6,240,308</b>
<b>I. Capital mobilization</b>	<b>3,475,261</b>	<b>5,057,900</b>
1. Customers' deposits	3,367,261	4,804,550
2. Borrowings	108,000	44,396
<b>II. Funds entrusted for investment</b>	<b>143,378</b>	<b>136,889</b>
1. In VND	143,378	136,889
2. In foreign currencies	-	-
<b>III. Capital and reserves</b>	<b>498,294</b>	<b>812,384</b>
1. Capital of the Bank	400,000	689,255
2. Reserves of the Bank	98,294	123,129
<b>IV. Other funds</b>	<b>173,996</b>	<b>233,135</b>
<b>PART B: USE OF FUNDS</b>	<b>4,290,929</b>	<b>6,240,308</b>
<b>I. Cash and valuable papers</b>	<b>44,145</b>	<b>61,500</b>
<b>II. Deposits</b>	<b>279,235</b>	<b>724,401</b>
<b>III. Investment in securities</b>	<b>193,200</b>	<b>304,284</b>
<b>IV. Equity investment</b>	<b>57,500</b>	<b>70,500</b>
<b>V. Credit activities</b>	<b>3,574,142</b>	<b>4,864,349</b>
1. Loans to local banks	19,364	12,172
2. Loans to economic organizations & individuals	3,310,970	4,605,951
3. Discount, mortgage of valuable papers	76,358	114,901
4. Lending with funds entrusted	163,950	131,325
5. Pawning	-	-
6. Loans pending settlement	3,500	-
7. Frozen loans	-	-
<b>VI. Fixed assets</b>	<b>140,211</b>	<b>150,852</b>
<b>VII. Other use of funds</b>	<b>2,496</b>	<b>64,422</b>

# SAIGON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE ORGANIZATION CHART

(As of 31 December 2006)







**NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ**

---

***CORRESPONDENT BANKS***

# DANH SÁCH NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

## LIST OF CORRESPONDENT BANKS



### ARGENTINA

Banca Nazionale del Lavoro S.A.  
BNP Paribas



### AUSTRALIA

ABN AMRO Australia Ltd.  
Bank of America N.A., Sydney, (H/O)  
BNP Paribas Australia  
Commonwealth Bank of Australia Sydney  
National Australia Bank Ltd.  
Standard Chartered Bank Australia  
Westpac Banking Corporation



### AUSTRIA

Raiffeisen ZentralBank Oesterreich AG (RZB-Austria)



### BAHRAIN

BNP Paribas Bahrein-Manama Offshore Banking Unit (OBU)  
Grindlays Bahrain Bank BSC (All)  
Woori Bank



### BANGLADESH

American Express Bank Ltd.



### BELGIUM

Artesia BC S.A./N.V.  
Bank of America N.A.  
Bank of New York  
BNP Paribas S.A. Belgium  
CBC Banque S.A., (All offices)  
Dexia Bank SA, (H/O)  
Fortis Bank S.A./N.V. Brussels (All Belgian Offices)  
KBC Bank N.V.  
Sumitomo Mitsui Banking Corporation



### BRAZIL

Banco ABN AMRO Real S.A.  
Banco BNP Paribas Brazil S/A



### CAMBODIA

Canadia Bank PLC  
Foreign Trade Bank of Cambodia



### CANADA

ABN AMRO Bank N.V.  
Bank of America NA  
Bank of Nova Scotia  
BNP Paribas Canada  
Calyon  
HSBC Bank Canada  
Royal Bank of Canada



### CHINA

Bank of America N.A.  
Bank of New York  
Bank of Nova Scotia  
Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd.  
BNP Paribas  
Calyon  
China Construction Bank Corporation  
Citibank N.A.  
Fortis Bank, Hongkong Branch  
Hongkong and Shanghai Banking Corporation Ltd. (HSBC)  
Industrial and Commercial Bank of China (ICBC)  
JPMorgan Chase Bank, N.A.  
Shinhan Bank  
Standard Chartered Bank  
Sumitomo Mitsui Banking Corp. (SMBC)  
United Overseas Bank Ltd.  
Woori Bank



### CYPRUS

HSBC Bank PLC



### CZECH REPUBLIC

Citibank N.A. Praha  
Raiffeisenbank A.S.



### DENMARK

Bikuben Girobank A/S (BG Bank)  
Danske Bank A/S  
Nordea Bank Denmark A/S  
Spar Nord Bank



### EGYPT

Arab Bank PLC



### FINLAND

Danske Bank  
Nordea Bank Finland PLC



### FRANCE

Bank of America N.A.  
Banque Scalbert Dupont SA  
BNP Paribas SA  
Calyon  
Credit Agricole  
Credit Industriel et Commercial (H/O)  
Credit Lyonnais  
HSBC Private Bank France  
Mizuho Corporate Bank Ltd.  
Natixis (H/O)  
Societe Generale  
Sumitomo Mitsui Banking Corp. (SMBC)  
UBAF  
Union Europeenne de CIC

# DANH SÁCH NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

## LIST OF CORRESPONDENT BANKS



### GERMANY

American Express Bank  
Bank of America N.A.  
Bayerische Hypo-Und Vereinsbank AG-  
Hypovereinsbank  
Berliner Bank, Niederlassung der Landesbank  
Berlin  
BNP Paribas SA Niederlassung  
Danske Bank  
Deutsche Bank AG  
DZ Bank AG Deutsche Zentral  
Genossenschaftsbank  
Dresdner Bank AG  
Hamburger Sparkasse (Haspa Bank)  
HSBC Trinkaus & Burkhardt KgaA  
BHF-Bank AG  
LandesBank Baden Wuerttemberg  
Shinhan Bank AG (H/O)  
Stadtsparkasse Muenchen  
Sumitomo Mitsui Banking Corp. (SMBC)  
Westdeutsche Landesbank Girozentrale  
Yapi Kredi Bank (Deutschland) AG



HSBC  
ICBC  
ING Bank NV  
JPMorgan Chase Bank, NA  
Mizuho Corporate Bank Ltd.  
Shinhan Bank.  
Standard Chartered Bank Ltd.  
Sumitomo Mitsui Banking Corp. (SMBC)  
UBAF Ltd.  
United Overseas Bank Ltd.  
Wachovia Bank, NA  
Woori Bank



### INDIA

American Express Bank Ltd.  
Bank of America NA  
Bank of India  
Bank of Nova Scotia  
BNP Paribas India  
Shinhan Bank  
Standard Chartered Bank



### GREECE

American Express Bank Ltd.  
Bank of America NA  
BNP Paribas Greece



### INDONESIA

American Express Bank Ltd.  
Bank of America NA  
Bank Negara Indonesia – PT (Persero)  
HSBC  
Standard Chartered Bank  
Woori Bank



### GUADELOUPE

Credit Agricole



### GUERNSEY, C.I

HSBC Private Bank Ltd.



### IRELAND

Bank of America NA  
BGB Finance (Ireland) PLC  
BNP Paribas Ireland



### HONG KONG

ABN AMRO Bank N.V.  
American Express Bank Ltd.  
Banca Nazionale del Lavoro  
Bank of America NA  
Bank of Ayudhya Public Co. Ltd.  
Bank of China Ltd.  
Bank of New York  
Bank of Nova Scotia  
Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd  
Bank Sinopac  
Barclays Bank PLC  
BNP Paribas  
Calyon  
Citibank NA  
CITIC Ka Wah Bank Ltd.  
Commonwealth Bank of Australia  
DBS Bank Ltd.  
Delta Asia Credit Ltd.  
Delta Asia Finance Ltd.  
Fortis Bank  
Fubon Bank Ltd.



### ISRAEL

Bank Hapoalim BM  
Mercantile Discount Bank Ltd.

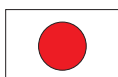


### ITALY

ABN AMRO Bank NV  
Banca d'America e d'Italia SPA  
Banca Intesa SPA  
Banca Monte Dei Paschi Di Siena Spa  
Banca Nazionale del Lavoro SPA  
Banca Popolare di Bergamo SPA  
Banca Popolare di Verona e Novara SCRL  
Banca Popolare Friuladria SPA  
Banche Popolari Unite SCARL  
Bank of America N.A.  
Bayerische Hypo-Und Vereinsbank  
BNP Paribas Succursale Italia  
Credito Bergamasco (H/O)  
HSBC Bank PLC  
ING Bank NV  
Unicredit Banca SPA

# DANH SÁCH NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

## LIST OF CORRESPONDENT BANKS



### JAPAN

ABN AMRO Bank N.V.  
 American Express Bank Ltd.  
 Bank of New York  
 Bank of Nova Scotia  
 Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd.  
 Bayerische Hypo-Und Vereinsbank AG  
 BNP Paribas S.A  
 Calyon  
 Citibank NA  
 Commonwealth Bank of Australia  
 Dresdner Bank AG  
 HSBC  
 Mitsubishi UFJ Trust and Banking Corp.  
 Mizuho Bank Ltd.  
 Mizuho Corporate Bank Ltd.  
 Okazaki Shinkin Bank  
 Resona Bank Ltd. (H/O)  
 Shinhan Bank  
 Standard Chartered Bank  
 Sumitomo Mitsui Banking Corp. (SMBC)  
 U.B.A.F  
 United Overseas Bank  
 Wachovia Bank, NA  
 Woori Bank



### KOREA, REPUBLIC OF

ABN AMRO Bank  
 American Express Bank Ltd.  
 Bank of America NA  
 Bank of New York  
 Bank of Nova Scotia  
 Calyon  
 Deutsche Bank AG  
 Hana Bank  
 HSBC  
 Industrial Bank of Korea  
 Kookmin Bank (H/O)  
 Korea Exchange Bank  
 Kyongnam Bank  
 Pusan Bank  
 Shinhan Bank  
 Standard Chartered Bank  
 Sumitomo Mitsui Banking Corp. (SMBC)  
 UBAF  
 Wachovia Bank, NA  
 Woori Bank



### LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC

Banque Pour Le Commerce Exterieur Lao  
 Lao-Viet Bank



### LATVIA

Lateko Bank, JSC  
 Ogres Komercbanka



### LUXEMBOURG

American Express Bank Ltd S.A.  
 Banca Nazionale del Lavoro Int'l  
 Bank of New York SA  
 BNP Paribas Luxembourg  
 Danske Bank International SA



### MACAO

Banco Delta Asia SARL



### MALAYSIA

ABN AMRO Bank Berhad  
 Bank of America Malaysia Berhad  
 Bank of Nova Scotia Berhad  
 CIMB Bank Berhad  
 Hong Leong Bank Berhad  
 HSBC Bank Malaysia Berhad  
 Standard Chartered Bank Malaysia Berhad (All offices)  
 United Overseas Bank Ltd.



### MARTINIQUE

BNP Paribas  
 Credit Agricole



### MEXICO

Bank of America SA



### MONACO

Credit Agricole



### NETHERLANDS

ABN AMRO Bank N.V.  
 Bank of America NA  
 Banque Artesia Nederland NV  
 BNP Paribas SA  
 Deutsche Bank  
 ING Bank N.V  
 Hollandsche Bank-Unie NV  
 Rabobank Nederland



### NEW ZEALAND

Bank of New Zealand



### NORWAY

BNP Paribas  
 Danske Bank



### PAKISTAN

American Express Bank Ltd.



### PANAMA

BNP Paribas

# DANH SÁCH NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

## LIST OF CORRESPONDENT BANKS



### PERU

BNP Paribas



### PHILIPPINES

American Express Bank Ltd.  
Bank of America NA  
BNP Paribas, Manila Offshore Branch  
ING Bank N.V.  
Mizuho Corporate Bank  
Standard Chartered Bank



### POLAND

Deutsche Bank Poska SA  
Getin Bank  
Raiffeisen Bank Polska SA



### REUNION

Credit Agricole



### RUSSIAN FEDERATION

Evrofinance Mosnarbank  
International Moscow Bank  
Raiffeisenbank Austria Zao



### SINGAPORE

ABN AMRO Bank N.V.  
American Express Bank Ltd.  
Bank of America NA  
Bank of India  
Bank of New York  
Bank of Nova Scotia  
Bank of Tokyo Mitsubishi UFJ, Ltd  
Bayerische Hypo-Und Vereinsbank AG (BHV)  
BNP Paribas  
Calyon  
Commonwealth Bank of Australia  
Development Bank of Singapore Ltd. (DBS)  
Dresdner Bank  
HSBC  
HSBC Bank USA, NA  
ING Bank, NV  
JPMorgan Chase Bank, NA  
Krung Thai Bank Public company Ltd.  
Mizuho Corporate Bank Ltd.  
Natixis  
Oversea-Chinese Banking Corporation Ltd.  
Rabobank  
Raiffeisen Zentralbank Oesterreich AG (RZB-  
Austria)  
Shinhan Bank  
Societe Generale  
Societe Generale and Trust  
Standard Chartered Bank  
Sumitomo Mitsui Banking Corp.  
U.B.A.F  
United Overseas Bank Ltd.  
VTB Bank Europe PLC  
Woori Bank



### SPAIN

ABN AMRO Bank NV  
Banca Nazionale del Lavoro  
Banco Atlantico SA  
Banco Bilbao Vizcaya Argentaria SA  
Banco BPI SA  
Banco de Sabadell S.A  
Banco Espanol de Credito  
Bank of America NA  
BNP Paribas Espana SA (H/O)  
Caja De Ahorros Del Mediterraneo  
Confederation Espanola de Cajas de Ahorros



### SRI LANKA

Standard Chartered Grindlays Bank Ltd.



### SWEDEN

Danske Bank  
Gotthard Bank  
Skandinaviska Enskilda Banken (SEB)  
Svenska Handelsbanken



### SWITZERLAND

ABN AMRO Bank  
American Express Bank SA  
Anker Bank  
Bank Leu AG  
Bank of America NA  
Bank Cial (Switzerland) Ltd.  
Banque Cantonale Vaudoise  
BHF- Bank (Schweiz) AG  
BNP Paribas (Suisse) SA  
Credit Agricole Indosuez SA  
Union Bank of Switzerland (UBS)



### TAIWAN

ABN AMRO Bank NV  
American Express Bank Ltd.  
Bank of America N.A.  
Bank of New York  
Bank of Nova Scotia  
Bank of Overseas Chinese  
Bank Sinopac  
BNP Paribas Taiwan  
Chinatrust Commercial Bank  
Deutsche Bank  
HSBC  
Land Bank of Taiwan  
Shanghai Commercial & Savings Bank Ltd.  
Standard Chartered Bank  
United Overseas Bank Ltd.  
Wachovia Bank, NA



### THAILAND

ABN AMRO Bank  
Bangkok Bank Public Co. Ltd.  
Bank of America NA  
Bank of Ayudhya Public Co. Ltd.



# DANH SÁCH NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

## LIST OF CORRESPONDENT BANKS



Bank of Nova Scotia  
 Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd  
 BankThai Public Co. Ltd.  
 BNP Paribas Thailand  
 Citibank NA  
 Deutsche Bank AG  
 Export-import Bank of Thailand  
 HSBC  
 Mega International Commercial Bank of China  
 Kasikornbank Public Co. Ltd.  
 Krung Thai Bank Co. Ltd.  
 Mizuho Corporate Bank Ltd.  
 Standard Chartered Bank  
 Sumitomo Mitsui Banking Corp. (SMBC)  
 UOB (Thai) Public Company Ltd.



### TURKEY

Citibank AS



### UNITED ARAB EMIRATES

BNP Paribas  
 National Bank of Dubai Public Joint Stock  
 Company  
 Standard Chartered Bank



### UNITED KINGDOM

American Express Bank Ltd.  
 Banca Nazionale del Lavoro  
 Bank of America NA  
 Bank of New York  
 Bankgesellschaft Berlin  
 Bank Sepah International PLC  
 BNP Paribas  
 Calyon  
 Commonwealth Bank of Australia  
 Danske Bank  
 Fibi Bank (UK) PLC  
 HSBC Bank USA NA  
 BHF-Bank AG  
 JPMorgan Chase Bank, NA  
 Mizuho Corporate Bank Ltd.  
 Nordea Bank Finland PLC  
 Raiffeisen Zentralbank Osterreich AG  
 Shinhan Bank  
 Standard Chartered Bank  
 Sumitomo Mitsui Banking Corp. (SMBC)  
 Eupore Ltd.  
 Mizrahi Tefahot Bank Ltd.  
 Wachovia Bank, NA  
 Woori Bank



### UNITED STATES

ABN AMRO Bank N.V  
 American Express Bank Ltd.  
 Banca Nazionale del Lavoro  
 Bank of America NA  
 Bank of New York



Bank of Nova Scotia  
 Bank of Tokyo-Mitsubishi Trust Company  
 BNP Paribas USA  
 Calyon  
 Cathay Bank  
 Center Bank  
 ChinaTrust Bank (USA)  
 Citibank NA  
 Citizens Business Bank  
 Commonwealth Bank of Australia  
 Danske Bank  
 Deutsche Bank Trust Company Americas  
 East West Bank  
 Far East National Bank  
 Fleet National Bank  
 Guaranty Bank of California  
 HSBC  
 HSBC Bank USA NA  
 Israel Discount Bank of New York  
 JPMorgan Chase Bank NA  
 Mizuho Corporate Bank  
 Northern Trust International Banking Corp.  
 Rabobank Nederland  
 Shinhan Bank  
 Standard Chartered Bank  
 Sumitomo Mitsui Banking Corp. (SMBC)  
 UBS  
 US Bank N.A  
 Wachovia Bank, NA  
 Woori Bank



### URUGUAY

HSBC Bank



### VIETNAM

Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank)  
 Bank for Investment and Development of Vietnam  
 (BIDV)  
 Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd.  
 BNP Paribas Vietnam  
 Calyon  
 Chinfon Commercial Bank  
 Citibank  
 Far East National Bank  
 HSBC Ltd.  
 Housing Development Commercial Joint Stock Bank  
 Indovina Bank Ltd.  
 Industrial and Commercial Bank of Vietnam  
 (Incombank)  
 Mizuho Corporate Bank Ltd.  
 Natixis  
 Shinhan Bank  
 Southern Commercial Joint-Stock Bank  
 Standard Chartered Bank  
 United Overseas Bank Ltd.  
 Vietnam Bank for Agriculture  
 Vietnam Eximbank

# MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG NGÂN HÀNG

## SAIGONBANK'S BRANCH NETWORK

### ● HỘI SỞ / HEAD OFFICE

2C Pho Duc Chinh St., Dist. 1, HCMC  
**TEL: (84-8) 9 143 183 - 9 143 196**  
**FAX: (84-8) 9 143 193**  
**Email: saigonbank@hcm.vnn.vn**  
**TELEX: 813626-SGBANK-VT**  
**SWIFT: SBITVNVX**  
**Website: www.saigonbank.com.vn**

### CHI NHÁNH THÁI BÌNH / THAI BINH BRANCH

333 Phạm Ngũ Lão St., Dist. 1, HCMC  
 Tel: (84.8) 8368188 - 8368270 ; Fax: (84.8) 8368654

### CHI NHÁNH PHÚ THỌ / PHU THO BRANCH

27 Nguyễn Thị Nho St., Tân Bình Dist., HCMC  
 Tel: (84.8) 8666094 ; Fax: (84.8) 8666126

### CHI NHÁNH BẾN NGHÉ / BEN NGHE BRANCH

18-19-20 Tôn Đức Thắng St., Dist. 1, HCMC  
 Tel: (84.8) 8257997 - 8235655 ; Fax: (84.8) 8235668

### PGD BẾN THÀNH / BEN THANH TRANSACTION OFFICE

12 Lê Thị Hồng Gấm St., Dist. 1, HCMC  
 Tel: (84.8) 9141537 ; Fax: (84.8) 9141538

### PGD QUẬN 8 / DISTRICT 8 TRANSACTION OFFICE

120-122 Nguyễn Thị Tân St., Dist. 8, HCMC  
 Tel: (84.8) 8510886 - 8510887 ; Fax: (84.8) 8510885

### CHI NHÁNH CHỢ LỚN / CHO LON BRANCH

144 Châu Văn Liêm St., Dist. 5, HCMC  
 Tel: (84.8) 8558125 - 8550685 ; Fax: (84.8) 8553660

### CHI NHÁNH AN ĐÔNG / AN DONG BRANCH

136C Nguyễn Tri Phương St., Dist. 5, HCMC  
 Tel: (84.8) 8337391 ; Fax: (84.8) 8337389

### PGD BÌNH ĐẰNG / BINH DANG TRANSACTION OFFICE

256 Inter-provincial Road No. 5, Dist. 8, HCMC  
 Tel: (84.8) 9819501 ; Fax: (84.8) 9816364

### CHI NHÁNH TÂN BÌNH / TAN BINH BRANCH

8-10 Lý Thường Kiệt St., Tân Bình Dist., HCMC  
 Tel: (84.8) 8642002 - 8651505 ; Fax: (84.8) 8646123

### CHI NHÁNH TÂN PHÚ / TAN PHU BRANCH

30AB Lê Trọng Tấn St., Tân Phú Dist., HCMC  
 Tel: (84.8) 8125609 ; Fax: (84.8) 8125610

### CHI NHÁNH BÀ CHIỂU / BA CHIEU BRANCH

138 Đinh Tiên Hoàng St., Bình Thạnh Dist., HCMC  
 Tel: (84.8) 8412508 ; Fax: (84.8) 8412294

### CHI NHÁNH BÌNH HÒA / BINH HOA BRANCH

139-141-143 No Trạng Long St., Bình Thạnh Dist., HCMC  
 Tel: (84.8) 5165832 ; Fax: (84.8) 5165836

### CHI NHÁNH BÌNH CHÁNH / BINH CHANH BRANCH

77 An Dương Vương St., Bình Tân Dist., HCMC  
 Tel: (84.8) 7515663 - 7515664 ; Fax: (84.8) 7515663

### PGD KỶ HÒA / KY HOA TRANSACTION OFFICE

660 Su Văn Hạnh St., Dist. 10, HCMC  
 Tel: (84.8) 8634929 ; Fax : (84.8) 8634930

### CHI NHÁNH TÂN ĐỊNH / TAN DINH BRANCH

177 Trần Quang Khai St., Dist. 1, HCMC  
 Tel: (84.8) 8484891 ; Fax: (84.8) 8484890

### CHI NHÁNH QUẢNG NINH / QUANG NINH BRANCH

8 Trần Hưng Đạo St., Hà Long City, Quảng Ninh Province  
 Tel: (84.33) 656363 ; Fax: (84.33) 656367

### PGD MAO KHÊ / MAO KHE TRANSACTION OFFICE

84 Hoàng Hoa Thám St., Mao Khe, Đông Triều Dist., Quảng Ninh  
 Tel: (84.33) 584196 - 584198 ; Fax: (84.33) 584197

### PGD CẨM PHẢ / CAM PHA TRANSACTION OFFICE

609 Trần Phú St., Cẩm Thủy Ward, Cẩm Pha Municipality, Quảng Ninh  
 Tel: (84.33) 721988 - 721900 ; Fax: (84.33) 721902

Quang Ninh

Hà Nội

### CHI NHÁNH HÀ NỘI / HA NOI BRANCH

11A Đoàn Trần Nghiệp St., Hai Bà Trưng Dist., Hanoi City  
 Tel: (84.4) 9760996 - 9760998 ; Fax: (84.4) 9761009  
 Telex: 411336 SGBANK-VT

### PGD NGÃ TƯ SỞ / NGA TU SO TRANSACTION OFFICE

109A Duong Lang St., Đông Đa Dist., Hanoi  
 Tel: (84.4) 5624643 ; Fax: (84.4) 5624642

### CHI NHÁNH HOÀN KIẾM / HOAN KIEM BRANCH

46B Hàng Mã St., Hoàn Kiếm Dist., Hanoi City  
 Tel: (84.4) 8284059 - 9283413 ; Fax: (84.4) 9283413

### CHI NHÁNH BA ĐÌNH / BA DINH BRANCH

11 Sơn Tây St. (new name: Giang Văn Minh), Ba Đình Dist., Hanoi City  
 Tel: (84.4) 7341651 - 7341652 ; Fax: (84.4) 7346171

### CHI NHÁNH ĐÔNG ĐÀ / DONG DA BRANCH

204 Thái Hà St., Đông Đa Dist., Hanoi City  
 Tel: (84.4) 5375964 - 5375962 ; Fax: (84.4) 5375962

### CHI NHÁNH LONG BIÊN / LONG BIEN BRANCH

154 Ngô Gia Tự St., Long Biên Dist., Hanoi City  
 Tel: (84.4) 6520479 ; Fax: (84.4) 6520481

### CHI NHÁNH CẦU GIẤY / CAU GIAY BRANCH

157 Cầu Giấy St., Cầu Giấy Dist., Hanoi City  
 Tel: (84.4) 7672438 ; Fax: (84.4) 7672439

Hue

### CHI NHÁNH HUẾ / HUE BRANCH

50 Hùng Vương St., Phú Nhuận Ward, Hue City, Thừa Thiên Huế  
 Tel: (84.54) 834648 - 834650 ; Fax: (84.54) 834888

Da Nang

### CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG / DA NANG BRANCH

169-171 Nguyễn Văn Linh St., Thanh Khê Dist., Danang City  
 Tel: (84.511) 655206 ; Fax: (84.511) 655205

### PGD CHỢ MỚI / CHỢ MỚI TRANSACTION OFFICE

275 Trưng Nữ Vương St., Hà Châu Dist., Danang  
 Tel: (84.511) 631623 - 631624 ; Fax: (84.511) 631624

### CHI NHÁNH AN GIANG / AN GIANG BRANCH

313/2 Trần Hưng Đạo St., Mỹ Long Ward, Long Xuyên City, An Giang Province  
 Tel: (84.76) 945939 ; Fax: (84.76) 945636

### PGD SỐ 1 LONG XUYỀN / N.1 LONG XUYEN TRANSACTION OFFICE

Highway 91, Mỹ Thành Ward, Long Xuyên City, An Giang  
 Tel: (84.76) 832217 ; Fax: (84.76) 831223

### CHI NHÁNH ĐỒNG NAI / DONG NAI BRANCH

103 30/4 St., Thanh Bình Ward, Biên Hòa City, Đồng Nai  
 Tel: (84.61) 3948654 - 3948652 ; Fax: (84.61) 3948651

### CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG / BINH DUONG BRANCH

TC1 St., Mỹ Phước 2 Relocation Area, Bến Cát Dist., Bình Dương  
 Tel: (84.650) 533145 - 533149 ; Fax: (84.650) 533144

An Giang

Can Tho

Hồ Chí Minh City

### CHI NHÁNH CẦN THƠ / CAN THO BRANCH

11 Lý Tu Trong St., An Phú Ward, Cần Thơ City  
 Tel: (84.71) 826987 - 826988 ; Fax: (84.71) 826985

### CHI NHÁNH THỐT NỐT / THOT NOT BRANCH

337 Nguyễn Công Trứ St., Thốt Nốt Ward, Cần Thơ City  
 Tel: (84.71) 610336 ; Fax: (84.71) 610335

Bạc Liêu

### CHI NHÁNH BẠC LIÊU / BAC LIEU BRANCH

35A Ba Triệu St., Bạc Liêu Municipality, Bạc Liêu Province  
 Tel: (84.781) 953713 ; Fax: (84.781) 953714

### PGD VĨNH CHÂU / VINH CHAU TRANSACTION OFFICE

79D Area 1, Nguyễn Huệ St., Vĩnh Châu Town, Sóc Trăng  
 Tel: (84.79) 910757 ; Fax: (84.79) 910758



**SAIGONBANK**

---

## **SAIGON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**

---

2C Pho Duc Chinh St., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

TEL: (84-8) 914 3183 - 914 3196 FAX: (84-8) 914 3193

TELEX: 8.13626 - SGBANK - VT

SWIFT: SBITVNVX

E-mail: [saigonbank@hcm.vnn.vn](mailto:saigonbank@hcm.vnn.vn)

Website: [www.saigonbank.com.vn](http://www.saigonbank.com.vn)